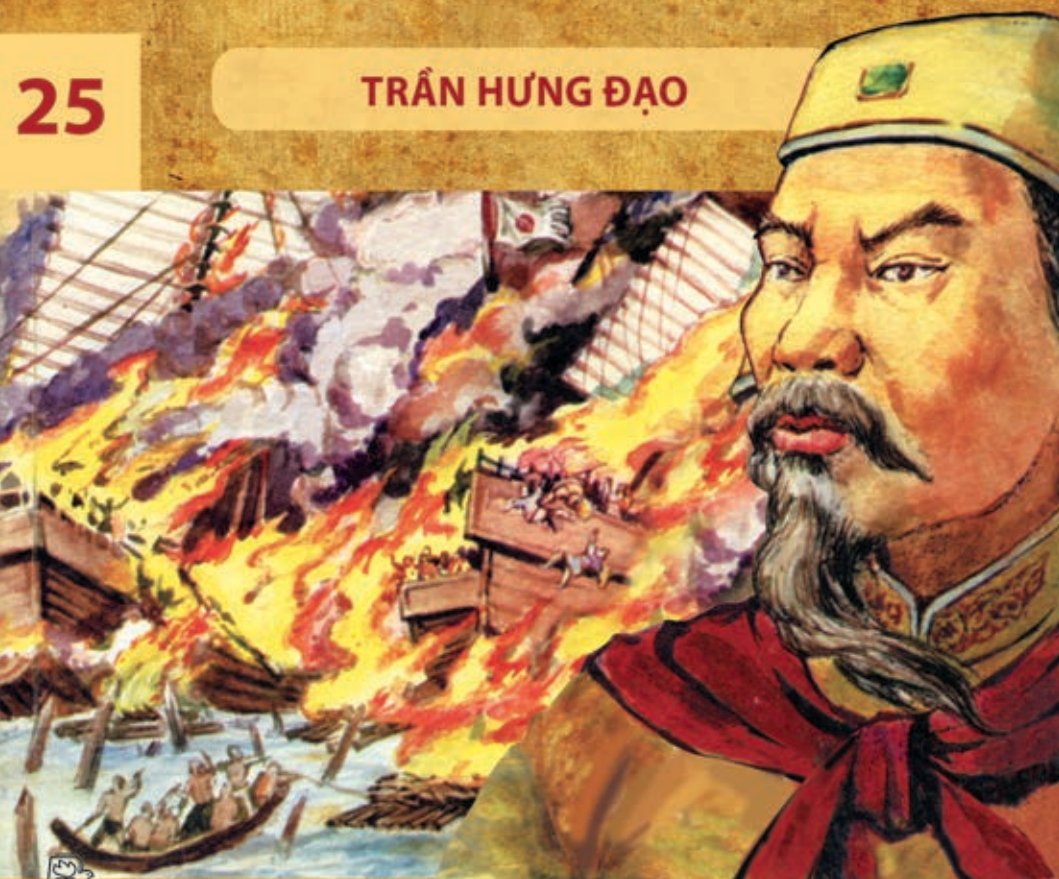


LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

25

TRẦN HƯNG ĐẠO



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
TÔN NỮ QUỲNH TRẦN
Họa sĩ
NGUYỄN QUANG CẢNH



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 25: TRẦN HƯNG ĐẠO

Tái bản lần thứ năm

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện
Họa sĩ thể hiện: Nguyễn Quang Cảnh
Biên tập hình ảnh: Lương Trọng Phúc

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KH.HTH TP. HCM

Trần Hưng Đạo / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn ; họa sĩ Nguyễn Quang Cảnh. - Tái bản lần thứ 5. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012.

104 tr. ; 20 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.25).

1. Trần Hưng Đạo, 1226-1300. 2. Tướng - Việt Nam - Sách tranh. 3. Việt Nam - Vua và quân thần - Sách tranh. 4. Việt Nam - Lịch sử - Triều nhà Trần, 1225-1400 - Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng. II. Tôn Nữ Quỳnh Trân. III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Trần Hưng Đạo, 1226-1300. 2. Generals - Vietnam - Pictorial works. 3. Vietnam - Kings and rulers - Pictorial works. 4. Vietnam - History - Trần dynasty, 1225-1400 - Pictorial works.

959.7024092 - DC 22

T772

LỜI GIỚI THIỆU

Vó ngựa xâm lược và mộng bành trướng của giặc Nguyên – Mông đã đặt Đại Việt trước thử thách tồn vong. Nhưng chính trong bối cảnh cam go ấy, lòng yêu nước của hoàng tộc, quan lại và nhân dân Đại Việt cũng được thử thách. Bên cạnh những kẻ sinh lòng phản trắc, Đại Việt bấy giờ không thiếu những tấm lòng ưu quân ái quốc, mà nổi bật nhất chính là vị Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo.

Vì nước nhà gạt bỏ thù riêng, vì đại sự gạt đi hiềm khích, biết dùng người tài không màng chuyện cũ, khéo tiến cử người tài chẳng màng xuất thân, bên cạnh tài cầm quân thao lược làm nên một Hưng Đạo vương văn võ song toàn, toàn tài vẹn đức được sử sách hết mực ngợi ca.

“tiếng vang đến phương Bắc, khiến chúng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo vương mà không dám gọi thẳng tên”

Đại Việt sử ký toàn thư

Những nội dung trên được truyền tải trong tập 25 của bộ Lịch sử Việt Nam bằng tranh Trần Hưng Đạo phản lời do Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn, phần hình ảnh do họa sĩ Nguyễn Quang Cảnh thể hiện.

Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 25 của bộ Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Trần Hưng Đạo còn được gọi là Hưng Đạo vương, chưa rõ ngày tháng năm sinh, mất ngày 20 tháng tám âm lịch năm Canh Tý (1300).

Sử sách có ghi lại rằng, ngay từ nhỏ ông đã là người có “dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người”, và nhờ “được những người tài giỏi đến giảng dạy” mà ông sớm trở thành người “đọc thông hiểu rộng, có tài văn võ”. Đó cũng là nền tảng vững chắc hun đúc nên một nhà chính trị lỗi lạc, một nhà quân sự tài tình và một bậc công thần hết lòng vì dân vì nước.

Trần Hưng Đạo tên thật là Trần Quốc Tuấn. Ông là con trai thứ của An Sinh vương Trần Liễu và là cháu gọi Trần Cảnh (tức vua Trần Thái Tông) là chú ruột. Sử sách không ghi lại năm sinh của Trần Quốc Tuấn. Một số sử gia, sau khi đối chiếu nhiều sách vở, nhiều sự kiện, cho rằng Trần Quốc Tuấn sinh vào khoảng 1229-1230. Như vậy, khi ông ra đời, nhà Trần đã nắm ngôi báu được mấy năm.



Ông nội của Trần Hưng Đạo là Trần Thừa. Cuối thời Lý, nhờ công phò giúp lúc nội biến, từ một gia đình đời đời làm nghề đánh cá ở Tức Mặc (Nam Định), Trần Thừa trở thành quan Nội thị Phán thủ. Khi Trần Cảnh lên làm vua, Trần Thừa được tôn là Thái Tổ mặc dù chưa làm vua ngày nào. Trong số 6 người con^(*) của Thái Tổ Trần Thừa, thì Trần Liễu là con trưởng. Như vậy, về thế thứ, Trần Quốc Tuấn thuộc dòng trưởng trong hoàng tộc nhà Trần.

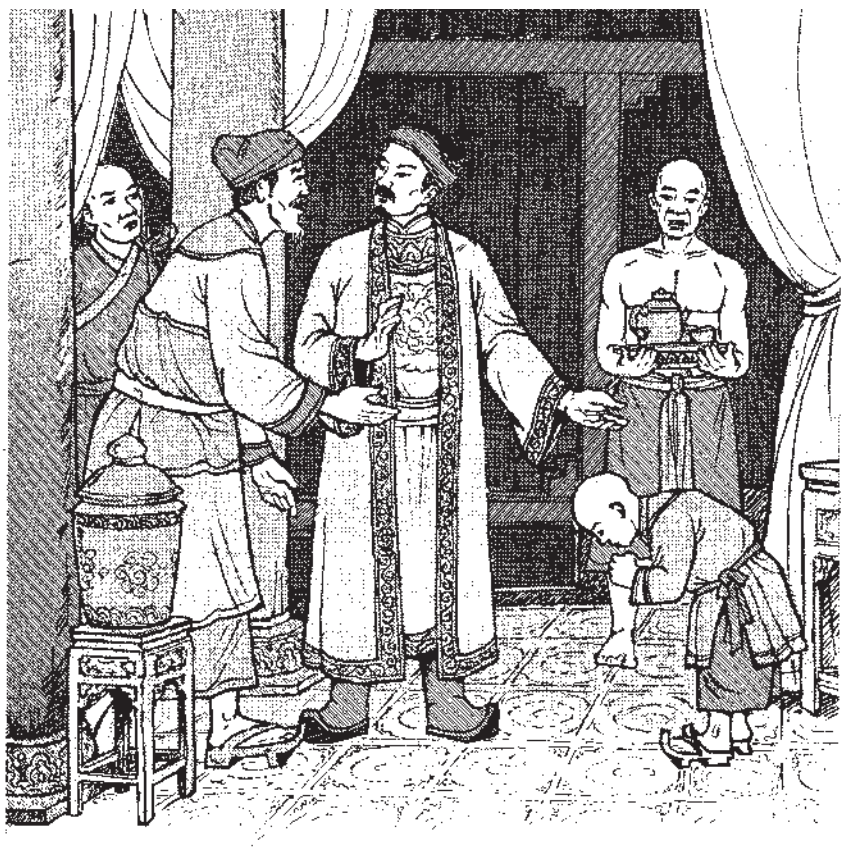
(*) Bốn con trai là: Trần Liễu (An Sinh vương), Trần Cảnh (vua Trần Thái Tông), Trần Nhật Hiệu (Khâm Thiên vương), Trần Bà Liệt (Hoài Đức vương). Hai con gái là: Thụy Bà công chúa và Thiên Thành công chúa.



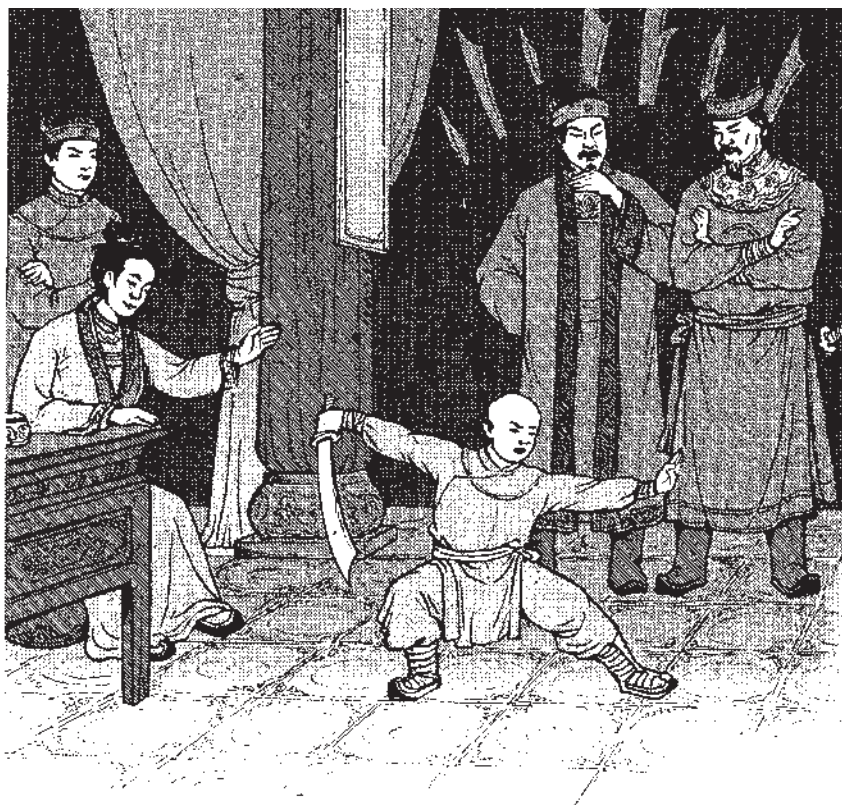
Năm Trần Quốc Tuấn khoảng 5-6 tuổi, hoàng tộc nhà Trần xảy ra biến cố lớn. Do bị Thái sư Trần Thủ Độ buộc phải nhường vợ là công chúa Thuận Thiên đang có mang ba tháng cho em trai là vua Trần Thái Tông^(*), cha Quốc Tuấn là Trần Liễu làm loạn chống lại vua và triều đình. Dù anh em đã hòa giải, nhưng từ đó, giữa hai gia đình có sự rạn nứt sâu sắc khó hàn gắn được.

(*) Xem tập Thành lập nhà Trần.

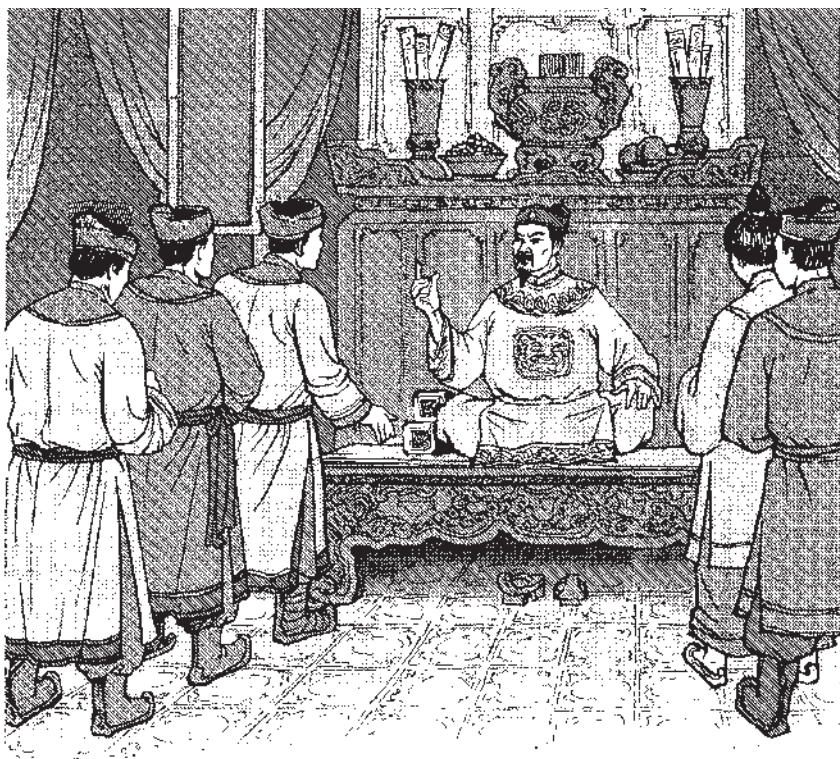




Quốc Tuấn được cô ruột là Thụy Bà công chúa nhận làm con nuôi. Tuy còn nhỏ, nhưng Quốc Tuấn đã tỏ ra thông minh nhanh lẹ. Thấy con sáng dạ, Trần Liễu không tiếc tiền của công sức, mời thầy giáo có tiếng tìm khắp nơi về dạy dỗ với mong muốn Quốc Tuấn trở thành người tài giỏi để giúp ông rửa hận xưa.



Trần Quốc Tuấn học một biết mười, có năng khiếu cả về văn chương lẫn võ nghệ, 7 tuổi đã biết làm thơ, lớn lên cưỡi ngựa bắn cung đều giỏi. Với tài thao lược, ông chú tâm nghiên cứu binh pháp của người xưa, nghiên cứu những trận đánh nổi tiếng của những anh hùng dân tộc mà sử sách đã lưu truyền, rút ra cái hay cái dở và tự phô diễn trận đồ rất linh hoạt.



Năm 21 tuổi, Trần Quốc Tuấn nên duyên với công chúa Thiên Thành^(*) và sinh hạ tất cả 5 người con, 1 gái 4 trai^(**). Các con của ông sau này đều là người thành đạt. Người con gái cả là Trinh công chúa, sau là hoàng hậu của vua Nhân Tông, vị vua sát cánh cùng Trần Quốc Tuấn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên. Con trai bà chính là Thái tử Trần Thuyên, tức vua Trần Anh Tông.

(*) Là cô ruột, triều Trần lấy nhau trong hoàng tộc vì sợ người khác họ cướp ngôi.

(**) Trần Hưng Đạo còn có người con gái nuôi là Nguyên công chúa.



Bốn người con trai của Trần Quốc Tuấn là Hưng Vũ vương Trần Quốc Hiến, Hưng Trí vương Trần Quốc Nghiễn, Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng, Hưng Hiến vương Trần Quốc Uy đều là những võ tướng có tài, đã giúp ông rất nhiều trong công cuộc đánh Nguyên. Trần Quốc Hiến sau này là phò mã của vua Thánh Tông, còn Trần Quốc Tảng có con gái là hoàng hậu của vua Anh Tông. Riêng Trần Quốc Nghiễn còn có công khẩn hoang, biến vùng đất hoang vu ở Hải Dương thành những cánh đồng phì nhiêu, xanh tốt.

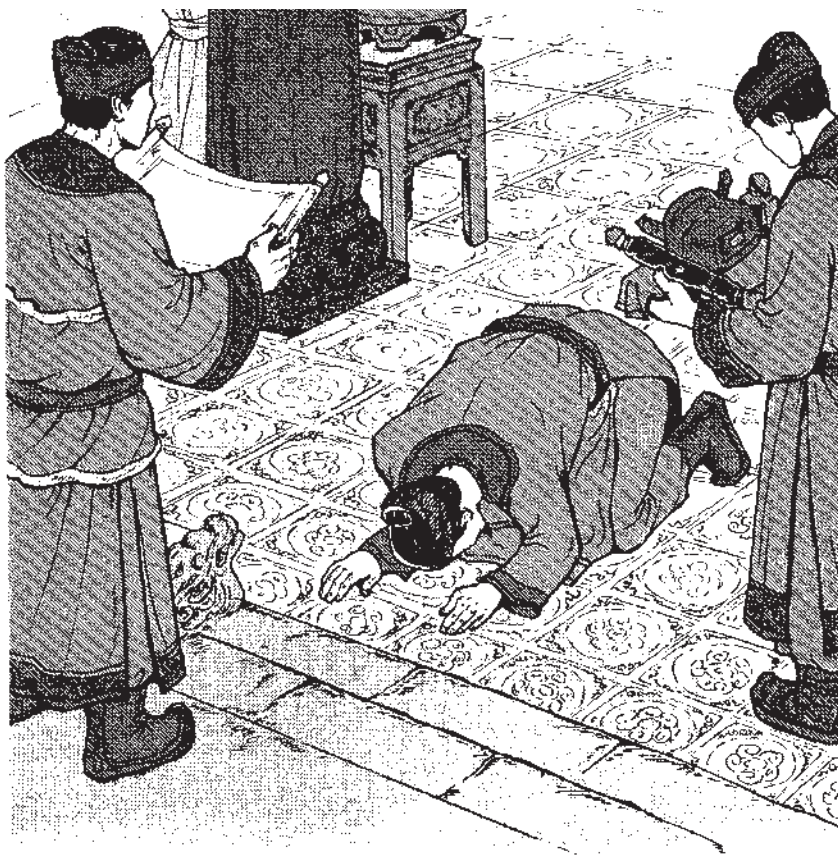
Năm 1251, Trần Liễu, cha của Quốc Tuấn lâm bệnh nặng. Trước khi qua đời, Trần Liễu cầm tay Quốc Tuấn trăng trối:

- Con hãy vì cha mà lấy thiên hạ (ý nói cướp ngôi vua) nếu không cha nằm dưới đất cũng không sao nhắm mắt được.



Biết lâu nay cha vẫn không quên oán hận cũ, Quốc Tuấn rất thương cha. Là người con có hiếu, ông không khỏi suy nghĩ về di huấn của người. Nhưng vua Thái Tông thật sự là một minh quân, ngài chấn hưng đất nước khiến thiên hạ thái bình, lại đối xử với anh em trong họ thân ái, độ lượng, Quốc Tuấn rất kính phục. Ông không thể vì những lời nói của cha mà gây cảnh nòi da xáo thịt. Nghĩ vậy, ông giữ kín những lời trời của cha không cho ai biết.





Là bà con gần với vua, nên Trần Quốc Tuấn được phong tước Hưng Đạo vương. Vì vậy, ông thường được gọi là Trần Hưng Đạo. Ông được phong thái ấp ở vùng Vạn Kiếp (Vạn Yên, Chí Linh, Hải Dương). Đây là nơi có núi cao rừng rậm, lại gần nơi hội tụ của 6 con sông^(*) cùng đổ ra biển (Lục Đầu) nên vị trí rất hiểm yếu.

(*) Sông Cầu, sông Đuống, sông Thương, sông Lục Nam, sông Kinh Thầy và sông Bình Than.

Bằng con mắt của một nhà quân sự, lại biết nhìn xa trông rộng, Trần Hưng Đạo đã cho xây dựng Vạn Kiếp thành một chốt cứ hiểm lợi hại, có thể phòng chống giặc phương Bắc bằng cả hai mặt thủy bộ. Ở đây, ông còn xây dựng một khu vực trồng cây thuốc nam để trị bệnh cho quân lính và dân trong vùng. Nơi trồng thuốc của ông đến nay vẫn mang tên là ngọn Dược Sơn.





Phủ đệ của Trần Hưng Đạo luôn mở rộng cửa để đón bậc anh tài. Những người có chí, có nhân hoặc dũng lược mà trung tín, dù xuất thân nghèo khổ, ông đều giúp đỡ trau dồi tài năng rồi tiến cử cho triều đình thu dụng. Nhiều danh nhân thời ấy như Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão đều là môn khách (khách được nuôi ăn và ưu đãi trong nhà) của ông.

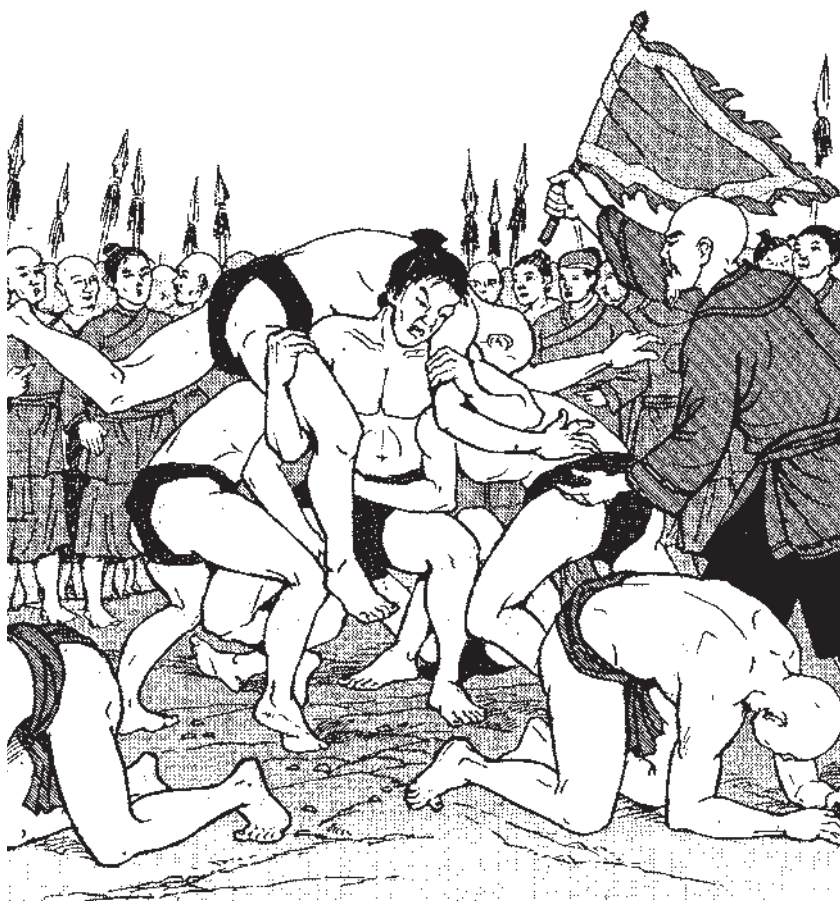


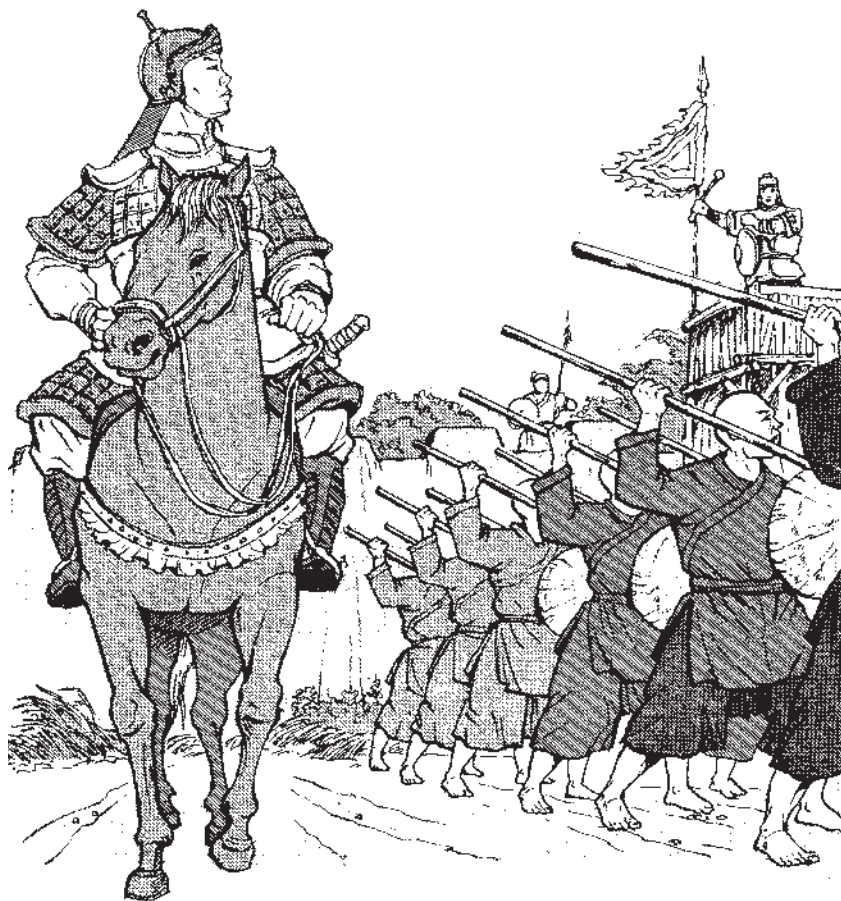
Phạm Ngũ Lão là người giỏi võ, quê ở làng Phù Ủng, huyện Đường Hào (nay là Ân Thi, Hưng Yên), xuất thân trong một gia đình nghèo, sinh sống bằng nghề chẻ tre đan sọt. Một hôm Trần Hưng Đạo từ Vạn Kiếp về kinh đi ngang qua vùng này, lúc ấy Phạm Ngũ Lão đang ngồi đan sọt trên đường, vừa đan vừa mãi mê suy nghĩ nên không để ý đến xung quanh. Quân lính thét bảo tránh đường, Phạm Ngũ Lão cũng không nghe thấy gì. Lính lấy giáo đâm vào đùi ông, ông vẫn ngồi yên.



Lấy làm lạ, Trần Hưng Đạo hỏi: “Đùi nhà ngươi bị đâm như thế, sao không biết đau, lại cứ ngồi yên như vậy?” Phạm Ngũ Lão mới bừng tỉnh đáp lại: “Tôi đang nghĩ mấy câu trong binh thư (sách về binh lược) nên không thấy gì cả!” Trần Hưng Đạo thử hỏi về binh cơ thì ông ứng đối rất trôi chảy. Cảm nhận được người tài, Trần Hưng Đạo mời Phạm Ngũ Lão theo về với mình.

Nhiều người chê Phạm Ngũ Lão là kẻ hàn vi, không tin ông có tài và thách đấu với ông. Nhưng sức ông vật ngã năm sáu vệ sĩ, mọi người đều phải phục. Còn Trần Hưng Đạo thì đem con gái nuôi là Nguyên công chúa gả cho Phạm Ngũ Lão rồi tiến cử ông lên vua Nhân Tông.





Phạm Ngũ Lão được vua phong làm chỉ huy cấm quân. Ông điều khiển quân lính có kỉ luật, đối đãi với tướng sĩ như người nhà, cùng sĩ tốt đồng cam cộng khổ, được ban thưởng gì đều bỏ vào kho chung của quân, không hề bận tâm với tiền của. Vì vậy, quân dưới trướng ông trên dưới yêu thương nhau như cha con một nhà, đều hết lòng chiến đấu nên đánh đâu thắng đó.

Trong cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông, ông phù trợ tích cực cho Trần Hưng Đạo, góp công vào các trận đánh lớn quyết định như trận Chương Dương, Tây Kết. Đặc biệt trong trận mai phục đường rút của Thoát Hoan ở Vạn Kiếp, ông đã lập công bắn chết một tướng giặc. Nhưng Phạm Ngũ Lão không chỉ là một võ tướng, ông còn là một nhà thơ, có một bài thơ tứ tuyệt được lưu truyền trong sử sách mà đời sau gọi là bài *Thuật Hoài* (dịch):

*Múa giáo non sông trải mấy thu
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu
Công danh trãi tráng còn mang nợ
Luồng then khi nghe chuyện Vũ Hầu(*)*

(*) tức Gia Cát Lượng.





Trong khi Phạm Ngũ Lão là một võ tướng thì Trương Hán Siêu là một nhà nho, quê ở làng Phúc Am, huyện An Khánh, lộ Trường Yên (nay thuộc thành phố Ninh Bình). Biết ông là người văn hay chữ tốt, kiến thức uyên bác, Trần Hưng Đạo giao cho ông phụ trách viện văn thư trong vương phủ của mình. Sau một thời gian, Trần Hưng Đạo tiến cử Trương Hán Siêu lên nhà vua và được nhà vua trọng dụng.



Trương Hán Siêu được giao giữ chức Hàn Lâm học sĩ và nhiều chức vụ quan trọng khác trong hàng quan văn. Những tác phẩm văn chương của ông rất nổi tiếng, đặc biệt nhất là bài phú *Bạch Đằng Giang*. Xúc động trước chiến công tuyệt vời của quân dân Đại Việt đánh thắng giặc Nguyên - Mông hung hãn, ông đã sáng tác ra bài phú xuất chúng ấy và dành những câu trân trọng đề ca ngợi tài cầm quân của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn.

Với những gia nô trong nhà, nếu có thực tài, Trần Hưng Đạo đều tin cậy và giao phó trọng trách. Yết Kiêu là người có tài bơi lặn lâu trong nước, còn Dã Tượng thì to lớn, khỏe mạnh. Cả hai được Trần Hưng Đạo nuôi nấng, dạy dỗ chu đáo; bù lại, Yết Kiêu và Dã Tượng cũng rất trung thành với ông. Dã Tượng là người không rời Trần Hưng Đạo nửa bước, vừa sát cánh chiến đấu, vừa bảo vệ chủ.



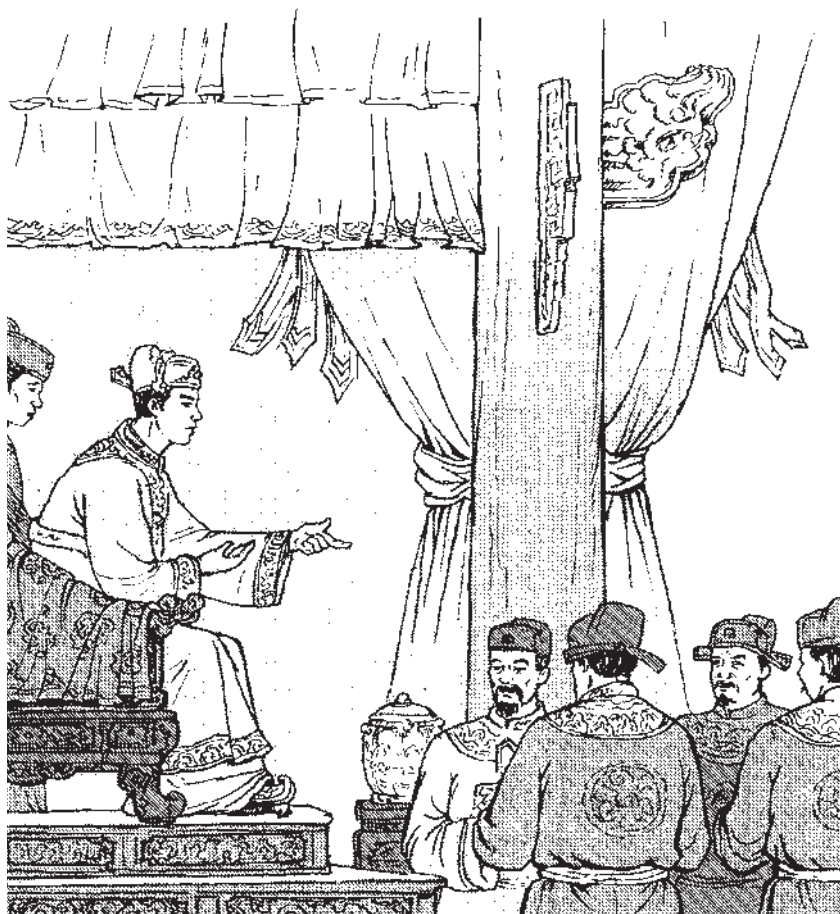


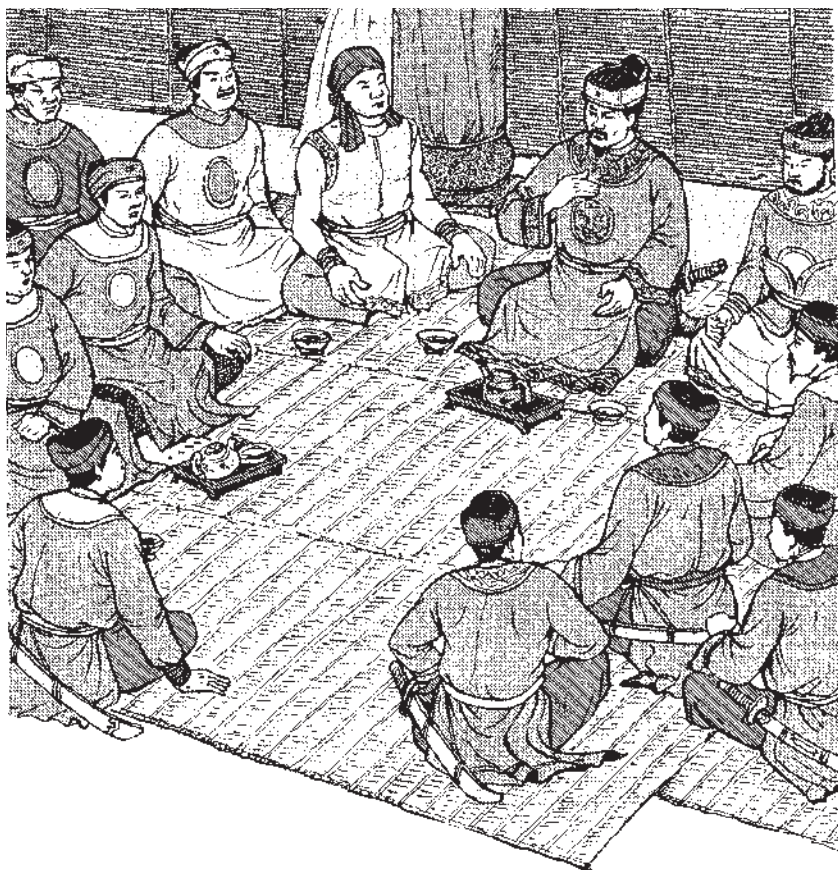
Còn Yết Kiêu, với tài bơi lội, đã từng giúp Trần Hưng Đạo đục đắm thuyền của quân Nguyên. Được giao trông coi thuyền chiến, Yết Kiêu đã nêu tấm gương sáng không chỉ là lòng trung thành với chủ mà còn là ý thức kỷ luật của người lính trước mệnh lệnh của chủ tướng. Trong lần chống quân Nguyên năm 1285, quân giặc tràn vào Lạng Sơn, quân Đại Việt không thể chống đỡ, đều đã rút lui. Riêng Yết Kiêu bất chấp nguy hiểm, vẫn chống thuyền chèo Trần Hưng Đạo và kịp thời đưa ông đi trước khi quân giặc ập đến.

Trần Hưng Đạo vô cùng cảm kích trước sự hi sinh của Yết Kiêu và Dã Tượng. Ông cho rằng những người làm nên được những chiến tích oai hùng đều phải nhờ đến những người dưới quyền như Yết Kiêu và Dã Tượng. Ông đã ca ngợi họ qua câu nói: “Chim hồng hộc (ám chỉ những người làm nên chiến tích) có thể bay cao được tất phải nhờ vào sáu trụ xương cánh (ám chỉ những người bình dân), nếu không thì chim hồng hộc cũng như chim thường thôi”.



Việc Trần Hưng Đạo đánh giá cao vai trò của tầng lớp bình dân lao động đã có ảnh hưởng đến vua Trần Nhân Tông. Nhà vua có thái độ ân cần đối với tầng lớp này và bảo với các quan lại phải biết đến công lao của họ: “Ngày thường ta có nhiều kẻ hầu người hạ hai bên, nhưng khi nước nhà hoạn nạn thì chỉ có bọn họ đi theo thôi”.





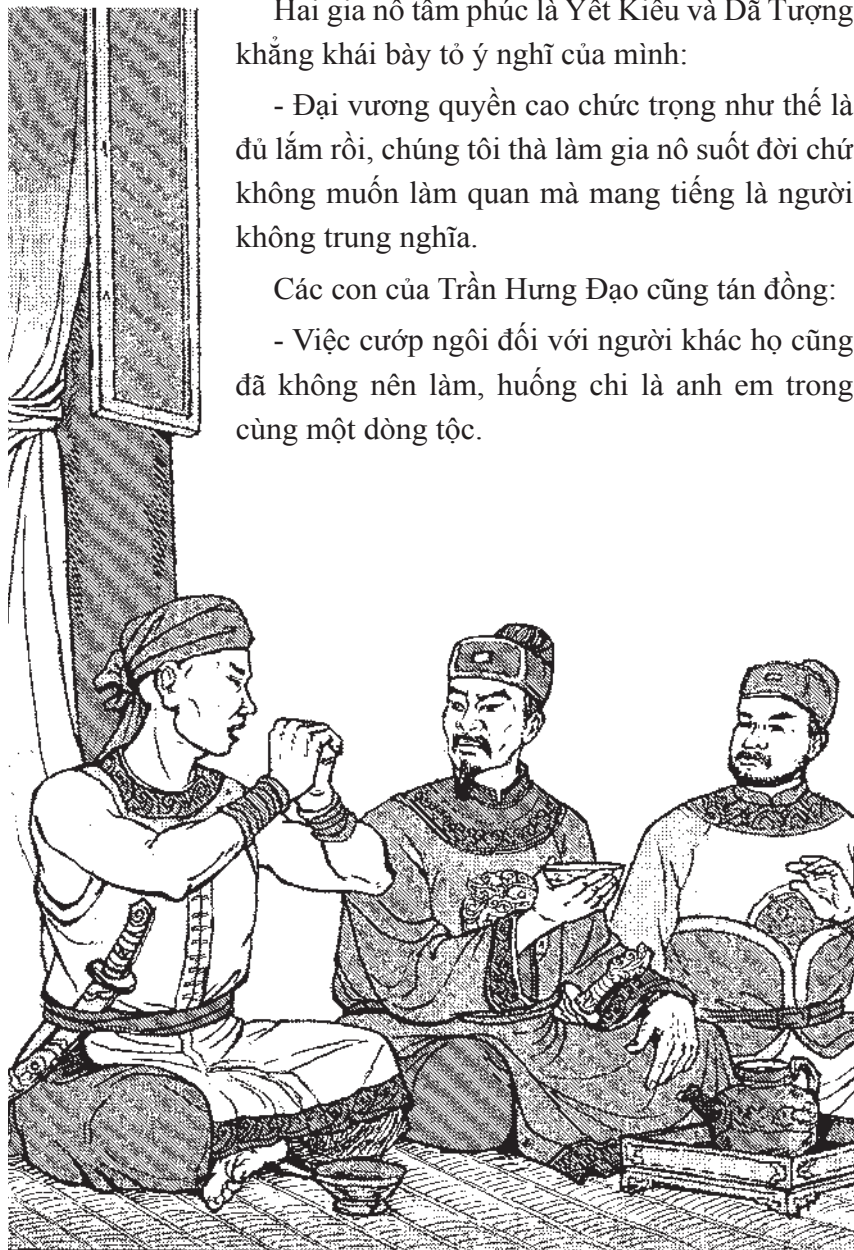
Nhưng Trần Hưng Đạo được mọi người quý trọng và theo về không phải chỉ vì ông là người chủ độ lượng, mà hơn tất cả, chính vì ông là người trung nghĩa, hết lòng vì nước vì dân. Khi quân Nguyên sang xâm lấn Đại Việt, quyền binh nằm cả trong tay, nếu thực hiện theo di chúc của cha thì đó là thời cơ thuận tiện nhất. Nhưng ông đã không hành động gì mà còn tỏ rõ ý muốn xóa bỏ hận thù. Một hôm, để tỏ ý kiên định và cũng để thử lòng người thân cận, Trần Hưng Đạo họp các con cùng tướng tá, gia nô và nhắc lại lời trăng trối của cha.

Hai gia nô tâm phúc là Yết Kiêu và Dã Tượng khẳng khái bày tỏ ý nghĩ của mình:

- Đại vương quyền cao chức trọng như thế là đủ lắm rồi, chúng tôi thà làm gia nô suốt đời chứ không muốn làm quan mà mang tiếng là người không trung nghĩa.

Các con của Trần Hưng Đạo cũng tán đồng:

- Việc cướp ngôi đối với người khác họ cũng đã không nên làm, huống chi là anh em trong cùng một dòng tộc.



Hung Đạo vương rất hài lòng trước những lời nói đầy nghĩa tình đó. Nhưng riêng người con trai thứ ba là Hung Nhượng vương Trần Quốc Tảng lại hung hăng lên tiếng:

- Vua Tống trước đây chỉ là một nông phu mà còn chộp được thời cơ, cướp được thiên hạ, hưởng chi nhà ta là danh gia vọng tộc.

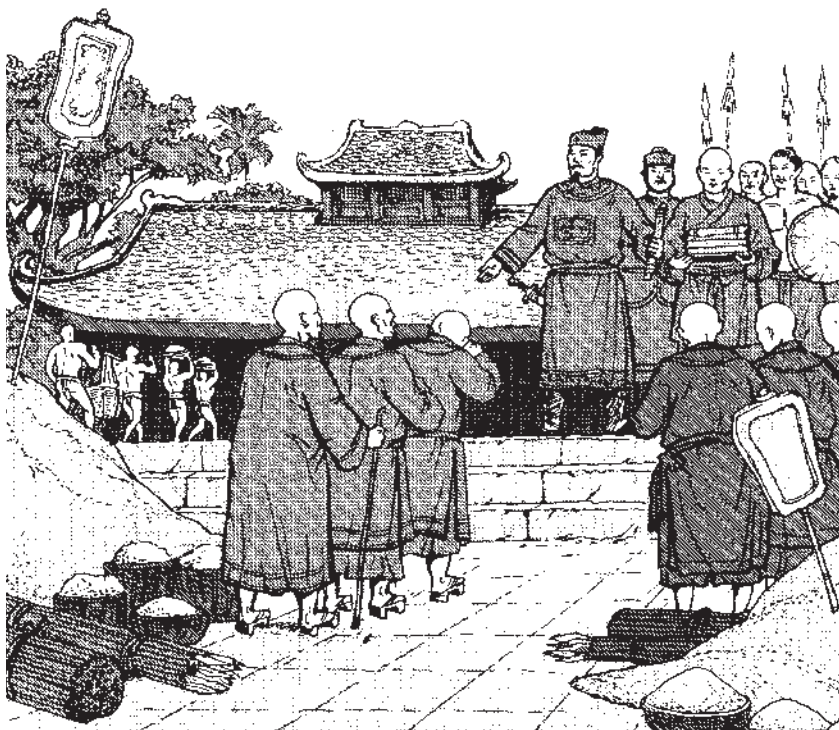


Những lời bạc tình bạc nghĩa này làm cho Trần Hưng Đạo rất tức giận. Ông rút gươm định chém người con có lòng dạ bất trung ấy, nhưng mọi người hết lòng can gián. Ông đành đuổi Trần Quốc Tảng đi và truyền lệnh:

- Sau này khi ta chết phải đập nắp quan tài mới cho nó vào viếng.



Không những răn dạy con cháu trong nhà, Trần Hưng Đạo còn chủ động hòa giải với anh em trong họ. Trong cư xử hàng ngày, ông luôn giữ thái độ khiêm nhường, hòa mục. Tuy với địa vị của mình, ông được phép ban thưởng chức tước cho người khác, nhưng chưa bao giờ Trần Hưng Đạo sử dụng quyền hạn ấy. Lúc giặc Nguyên xâm lấn, nhiều nhà giàu đóng góp lúa gạo, vũ khí cho quân đội. Để động viên khuyến khích, ông cũng ban cho họ chức Lang tướng nhưng chỉ tạm thời, chờ vua chuẩn y mới dám quyết định.





Một lần vua Thánh Tông đi dẹp loạn Mán Bà La, có Trần Quang Khải đi theo hộ giá. Lúc ấy sứ nhà Nguyên sang, Thượng hoàng Trần Thái Tông cho vời Trần Hưng Đạo đến bảo:

- Nay Thượng tướng vắng mặt, trẫm muốn phong cho khanh chức Tư đồ để ứng đối với Bắc sứ.

Vốn là người chính trực, không muốn có sự hiểu lầm rằng mình lợi dụng lúc vua và Quang Khải đi vắng để tranh giành chức tước, Trần Hưng Đạo liền tâu:

- Ứng tiếp sứ giả, thần không dám từ chối nhưng chức Tư đồ, thần không dám nhận. Nay Quan gia^(*) cùng Thượng tướng đi đánh giặc nơi xa, bệ hạ lại tự ý làm việc phong chức thì tình nghĩa trên dưới e rằng không ổn thỏa.

(*) Thời Trần gọi vua là Quan gia.



Bằng thái độ nhún nhường và trân trọng như thế, Trần Hưng Đạo đã lấy lại lòng tin của vua và các anh em trong họ. Sử sách còn ghi lại câu chuyện cảm động về tình cảm chân thành của Trần Hưng Đạo với người em con chú là Trần Quang Khải. Một lần Quang Khải có việc phải xuống thuyền của ông, ông đã lấy nước thơm dội cho Quang Khải tắm để tỏ rõ tấm lòng thuận thảo của mình. Trần Quang Khải rất xúc động trước cử chỉ ấy, và sau này, hai người sát cánh bên nhau trong công cuộc chống quân Nguyên.



Sự hiềm khích trong nhà, trong hoàng tộc đã được giải quyết, nhưng bóng mây nghi ngờ vẫn còn lớn vờn trong triều đình. Có lần trong chuyến bảo vệ vua chạy lánh quân Nguyên, Trần Hưng Đạo cầm theo chiếc gậy chống có mũi bịt sắt. Nhiều người lo lắng sợ ông thừa cơ giết vua. Trần Hưng Đạo liền tháo mũi sắt ra vứt đi và chỉ cầm gậy không. Vì thế không còn ai nghi ngờ ông nữa.



Bên cạnh những phẩm chất cao quý, Trần Hưng Đạo còn là một vị tướng tài ba. Ông đã lãnh đạo quân dân Đại Việt ba lần đánh bại giặc Nguyên Mông hung hãn nhất bấy giờ. Vào năm 1258, quân Mông Cổ sang xâm lấn Đại Việt lần thứ nhất. Khi ấy Trần Hưng Đạo chưa đến 30 tuổi. Ông được lệnh vua đem quân thủy bộ đi trấn giữ biên giới phía Bắc. Ông đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ của mình, thông báo chính xác tình hình động binh của quân giặc giúp triều đình kịp ứng phó.



Sau đó, ông đã rút quân về phối hợp với nhà vua chống giặc ở Bình Lệ Nguyên và cuối cùng là tập kích giặc ở Đông Bộ Đầu khiến chúng phải rút chạy về nước. Trong lần chống giặc này, ông chưa giữ vai trò quyết định nhưng sự tận tụy, lòng quả cảm và đức độ của vị tướng trẻ đã khiến Thái sư Trần Thủ Độ và vua Thái Tông thêm tin tưởng vào lòng trung thành và tài cầm quân của Trần Hưng Đạo.





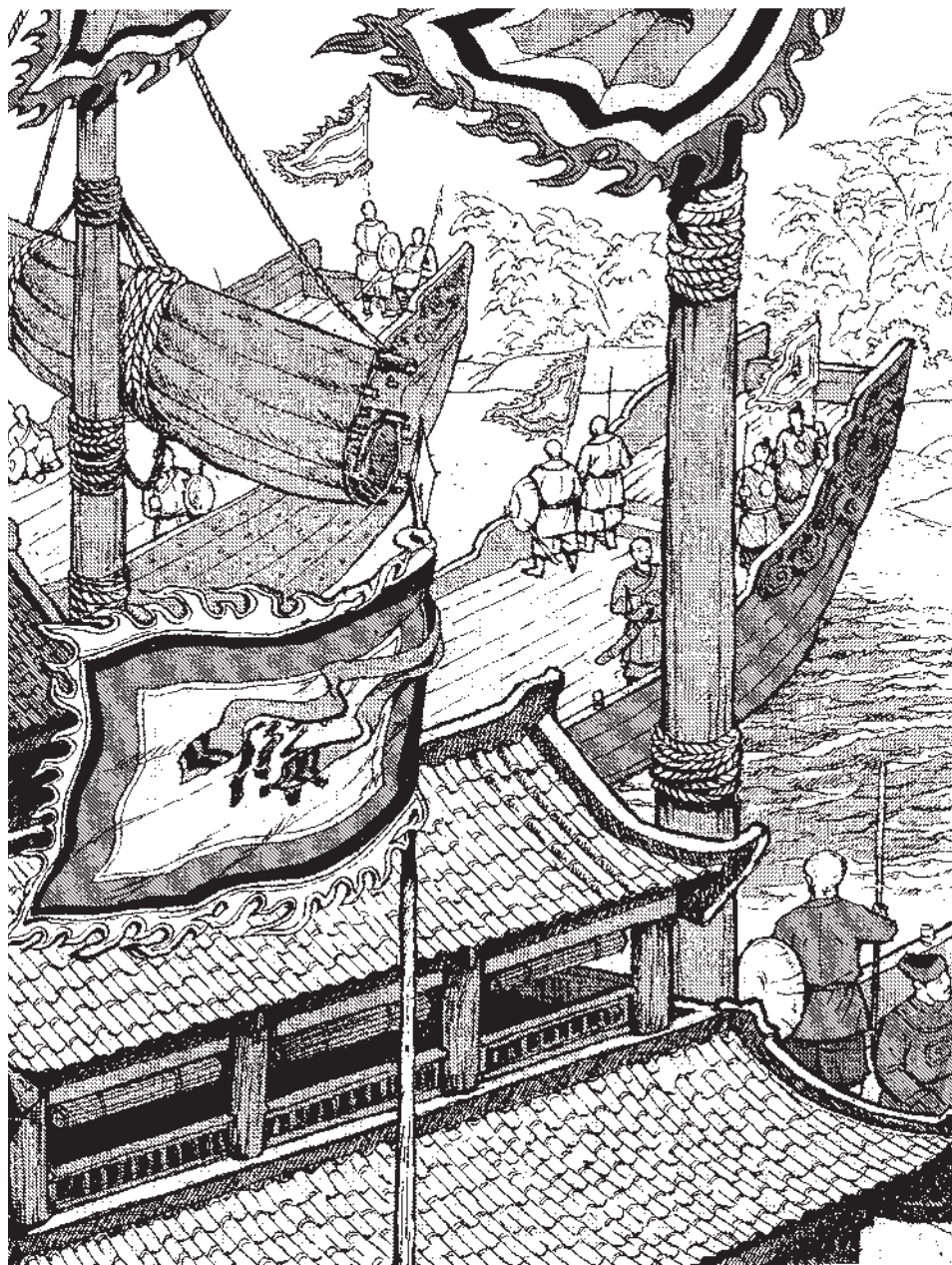
Sau trận đại bại lần thứ nhất, quân Mông Cổ rất muốn phục thù ngay, nhưng lúc đó, chúa Mông Cổ là Mông Kha chết. Hốt Tất Liệt lên thay, đổi quốc hiệu là Nguyên. Nhà Nguyên lại tiến quân xâm lược nhà Tống (Trung Quốc) nên chưa rảnh tay phục thù Đại Việt. Tuy vậy, chúng vẫn liên tục cho sứ giả sang hạch sách vua Trần, đòi phải tiến cống và sang châu.

Lợi dụng tình thế ấy, nhà Trần đã cố gắng kéo dài thời kì hòa hoãn để củng cố lực lượng. Thời gian này, Trần Hưng Đạo lại góp phần mình trên mặt trận ngoại giao, thể hiện là một nhà ngoại giao xuất sắc. Năm 1281, sứ giặc là Sài Thung đến nước ta, nghênh ngang cưỡi ngựa vào tận thềm điện Tập Hiền. Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải vào gặp, hấn nằm ngoảnh mặt vào trong, không chịu tiếp.

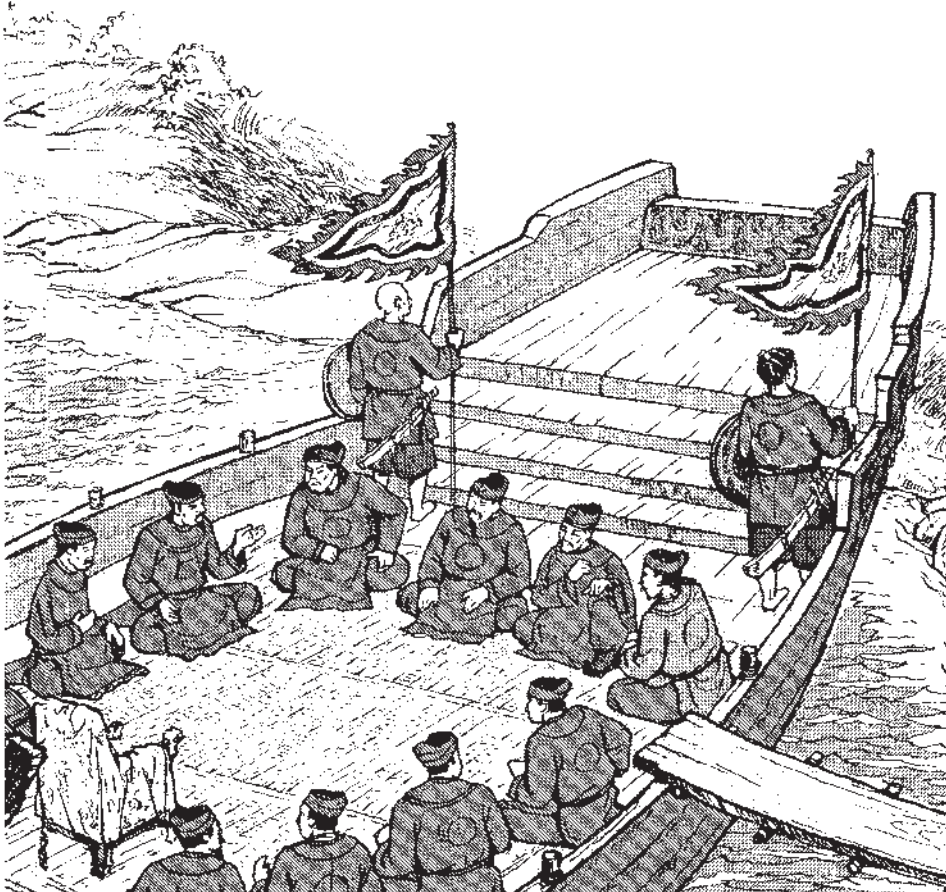




Trần Hưng Đạo liền gột tóc, ăn mặc như một nhà sư đến gặp Thung. Thấy ông bước vào với phong thái ung dung, Thung tưởng là một nhà sư phương Bắc, lật đặt ngồi dậy tiếp. Sau nhận ra Trần Hưng Đạo, y ra hiệu cho tên lính cầm mũi tên đâm vào đầu ông đến chảy máu, nhưng ông vẫn không thay đổi sắc mặt. Thung rất phục, tiếp đón Trần Hưng Đạo chu đáo, khi ông cáo từ, y theo ra tận cửa tiễn.



Qua những cuộc tiếp xúc ngoại giao như vậy, nhà Trần biết được ý đồ của quân Nguyên muốn mượn đường tiến đánh Chiêm Thành, nhưng thực chất là xâm lược Đại Việt. Vì vậy vào cuối năm 1282, vua Trần triệu tập hội nghị các vương hầu để lên chiến lược đối phó với quân Nguyên. Hôm ấy, tại bến Bình Than, gần phủ đệ Vạn Kiếp của Trần Hưng Đạo, thuyền chiến đậu san sát, tinh kỳ phấp phới. Tất cả các vương hầu trong tôn thất nhà Trần đều có mặt.



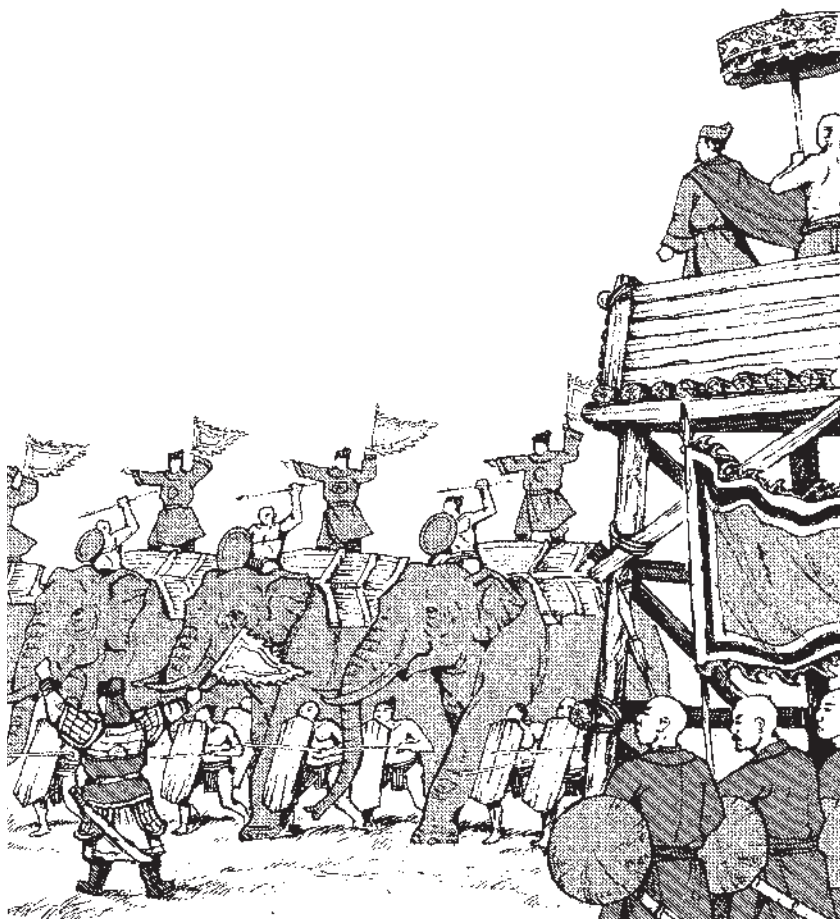
Ở đây, một lần nữa, Trần Hưng Đạo lại chứng tỏ mình là một con người vì nước quên nhà. Năm trước, Trần Khánh Dư vì có quan hệ với con dâu sắp cưới của Trần Hưng Đạo nên bị vua phạt lột bỏ hết chức tước phải về quê bán than. Nay trước nạn nước, Trần Hưng Đạo sẵn sàng bỏ qua lỗi lầm của Khánh Dư, chấp nhận để Khánh Dư lên thuyền cùng bàn việc nước.



Trần Khánh Dư đã không phụ lòng của Trần Hưng Đạo. Trong khi các quan cứ bàn đi tính lại, người thì cho rằng cứ đem đồ tiến cống để dùng kế hoãn binh, người lại sợ chiến tranh nên muốn để quân Nguyên mượn đường... Cứ thế hai bên tranh cãi, không đi đến quyết định nào thì Trần Khánh Dư tán đồng ý kiến của Trần Hưng Đạo là phải cương quyết đem quân chống giữ các nơi hiểm yếu.



Lập trường của Trần Hưng Đạo rất hợp ý Thượng hoàng Thánh Tông và vua Nhân Tông. Ngài phong cho Trần Hưng Đạo làm tổng chỉ huy quân đội với tước vị Quốc công Tiết chế. Lại phong cho Trần Khánh Dư là Phó tướng phụ trách vùng biển Vân Đồn. Nhận trọng trách, Trần Hưng Đạo đem hết sức mình ra gánh vác. Yên tâm về mặt biển đã có Khánh Dư, ông ngày đêm thao luyện quân sĩ, chỉnh đốn đội ngũ, sắm sửa khí giới, sẵn sàng chờ giặc.





Bên cạnh đó, để hun đúc tinh thần yêu nước, lòng can đảm cho quân và dân, Trần Hưng Đạo đã viết bài hịch cho các tướng sĩ. Bằng những lời lẽ thấm thiết, hùng hồn, bằng những phân tích đánh thép mà chứa chan tình cảm, mỗi lời hịch của Trần Hưng Đạo thấm thía đến từng con người: *“Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng...”*

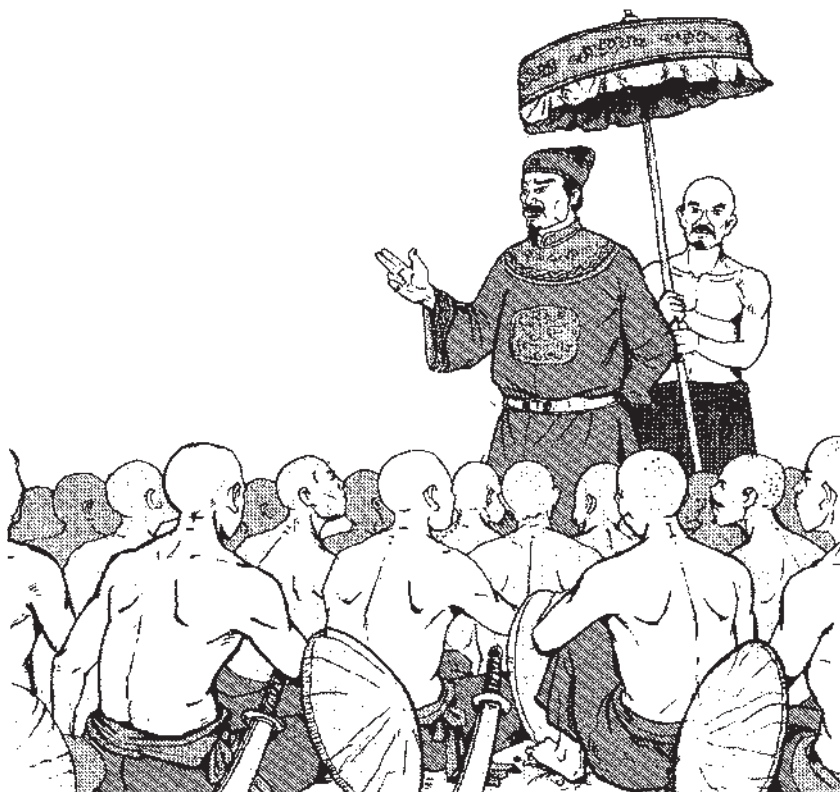
Bài hịch của vị Quốc công Tiết chế đã khơi dậy lòng quyết tâm đánh giặc của quân dân Đại Việt, lay động và thức tỉnh tất cả những kẻ còn đang thờ ơ trước nạn nước. Không kìm được, cả khối người đồng thanh hô to: Sát Thát! Sau đó tất cả tự nguyện lấy chàm thích lên tay hai chữ này để tỏ rõ quyết tâm của mình. “Hịch tướng sĩ” của Trần Hưng Đạo thực sự là một áng thiên cổ hùng văn, có giá trị lớn trong nền văn học nước nhà.



Ngoài ra, để trang bị cho binh sĩ những kiến thức về binh pháp, Trần Hưng Đạo đã tổng kết kinh nghiệm chống xâm lăng của dân tộc qua các đời và viết thành bộ sách có tên là *Binh thư yếu lược*. Rất tiếc là bộ sách này không còn giữ được bản gốc, nhưng qua trích dẫn và đánh giá của các nhà làm sử xưa nay thì đây là tập sách lý luận quân sự đầu tiên của nước ta. Nhờ đó, khoa học quân sự của nước ta bước sang một trang mới, cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

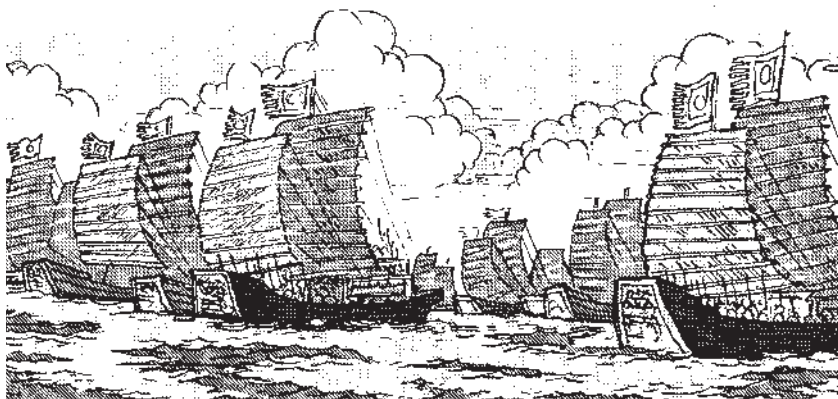


Tuy cố tìm mọi cách động viên tinh thần tướng sĩ, nhưng không vì thế mà Trần Hưng Đạo buông lỏng kỷ cương. Ông luôn đòi hỏi các tướng sĩ phải giữ kỷ luật nghiêm minh: “Bản sớ phụng mệnh thống đốc quân sĩ ra phá giặc. Các vương hầu và các tướng sĩ, ai nấy phải cần giữ phép tắc, đi đâu không được nhiều dân và phải đồng lòng hết sức đánh giặc, chớ thấy thua mà ngã lòng, chớ thấy được mà tự kiêu, việc quân có luật, phép nước không thân, các người phải giữ”.





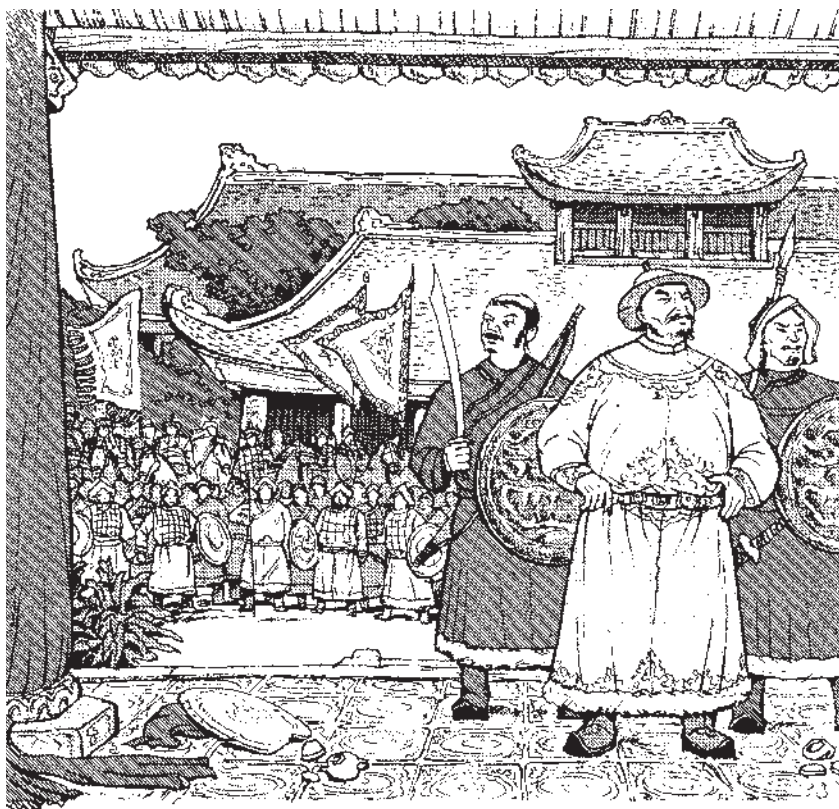
Đầu năm 1285, quân Nguyên ào ạt tiến sang xâm lược Đại Việt lần thứ hai. Lần này, ngoài đạo quân kỵ, bộ khoảng 50 vạn tên dưới sự thống lĩnh của Thoát Hoan từ Vân Nam và Quảng Châu (phía bắc Đại Việt) kéo xuống, còn có lực lượng thủy quân gần 10 vạn tên do Toa Đô từ vùng biển Chiêm Thành (phía nam Đại Việt) kéo lên tạo thành hai gọng kìm hòng xiết chặt quân Đại Việt vào giữa.



Thế giặc mạnh như nước vỡ bờ. Chẳng mấy chốc, chúng đã chiếm được ải Chi Lăng. Để bảo toàn lực lượng, Trần Hưng Đạo cho rút quân về Vạn Kiếp. Một số vương hầu và quan lại hoảng sợ ra đầu hàng giặc. Trước thế nước nguy nan, vua Trần Nhân Tông không khỏi không nghĩ ngợi, ngài vội tìm gặp Trần Hưng Đạo hỏi xem có nên hàng để tránh cảnh chiến tranh. Trần Hưng Đạo khẳng khái tâu:

- Lời của bệ hạ quả là lời của bậc nhân nghĩa, nhưng còn tôn miếu xã tắc thì sao? Xin bệ hạ chém thần rồi hãy hàng.





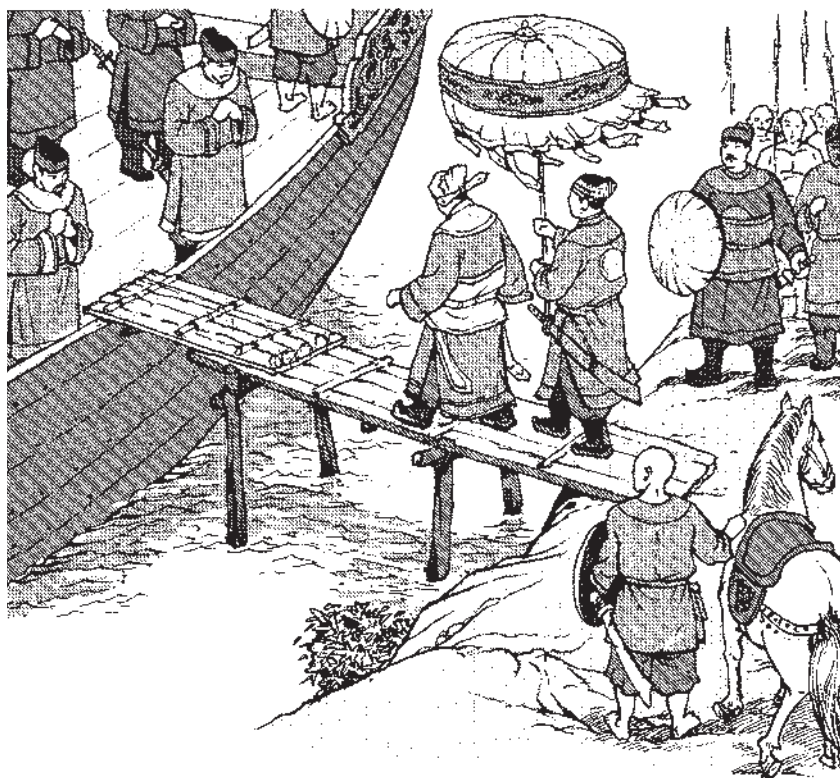
Câu nói đầy khí phách của Trần Hưng Đạo khiến nhà vua cảm thấy vững tâm. Các tướng sĩ cũng thêm tin tưởng, lấy lại can đảm, ra sức chống giặc. Hiểu rõ thế giặc mới sang còn đang hung hăng, Trần Hưng Đạo quyết định áp dụng chiến thuật tạm thời rút lui để bảo toàn lực lượng. Ông cho đặt các chốt phòng thủ suốt dọc sông Hồng với nhiệm vụ làm chậm bước tiến của giặc để bảo vệ cho cuộc rút lui của đại quân và triều đình.

Lúc ấy, đại quân Trần, người ngâm tẩm, ngựa bỏ nhạc, một lực lượng theo đường bộ rút về phía nam, còn Thượng hoàng và vua cùng lực lượng thủy quân theo dòng sông Hồng về xuôi. Hai đoàn quân cùng gặp nhau ở phủ Thiên Trường (Nam Định), quê hương của nhà Trần. Lực lượng quân Đại Việt được bảo toàn. Tại đây, Trần Hưng Đạo và vua Trần cho tập hợp thêm binh lực, rèn thêm vũ khí và ngày đêm thao luyện binh sĩ.



Để bảo vệ mặt phía nam phòng quân thủy Nguyên từ Chiêm Thành kéo lên, ngoài đoàn thuyền chiến do Thượng tướng Trần Quang Khải thống lĩnh đang chốt giữ ở Nghệ An, Trần Hưng Đạo đã tăng cường thêm một lực lượng đến đóng ở Trường Yên (Hoa Lư, Ninh Bình) để làm chỗ dựa vững chắc cho Thiên Trường.





Nhưng thế quân Nguyên vẫn còn rất mạnh. Những chốt chặn của quân Đại Việt chỉ làm chậm bước tiến quân chứ không cản được giặc. Khi vào được Thăng Long, nhìn kinh thành trống không, Thoát Hoan vô cùng giận dữ. Biết vua Trần đã vào Thiên Trường, hấn quyết định dẫn quân đuổi theo. Trong khi đó quân thủy của Toa Đô cũng đã chọc thủng mặt trận phía nam tiến đến gần Trường Yên. Trước tình thế cấp bách, hai phía đều có giặc, Trần Hưng Đạo vẫn bình tĩnh hộ giá hai vua rút theo đường biển.

Đây là cuộc rút lui đầy mưu trí, Trần Hưng Đạo đã đánh lừa giặc Nguyên bằng cách sai quân lính tiếp tục đưa thuyền ngự đi ngả cửa biển Ngọc Sơn (Quảng Ninh) trong khi đó ông rước Thượng hoàng và nhà vua lên bộ, đến Thủy Chú lại xuống thuyền khác ra Bạch Đằng về Thanh Hóa.

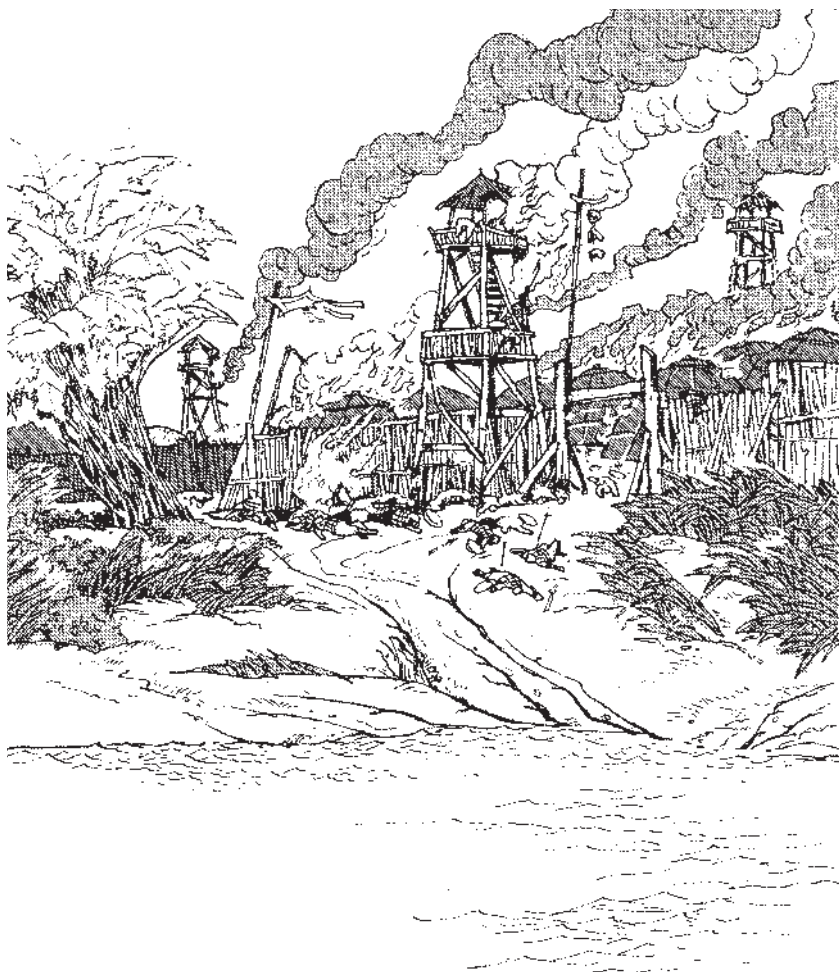




Sau trận đuổi bắt vua Trần thất bại, Thoát Hoan cho quân rút về Thăng Long, bây giờ đã bước vào mùa hạ năm 1285, thời tiết trở nên nóng bức, oi ả, khiến đội quân quen sống ở xứ lạnh phương Bắc cảm thấy khó chịu. Chúng đau ốm nhiều, tinh thần sa sút. Đã vậy dân binh các địa phương liên tục tập kích, không để cho chúng được yên thân. Giặc lâm vào tình trạng hoang mang, lo sợ, co cụm vào trong các doanh trại, không dám đi quấy nhiễu nữa.

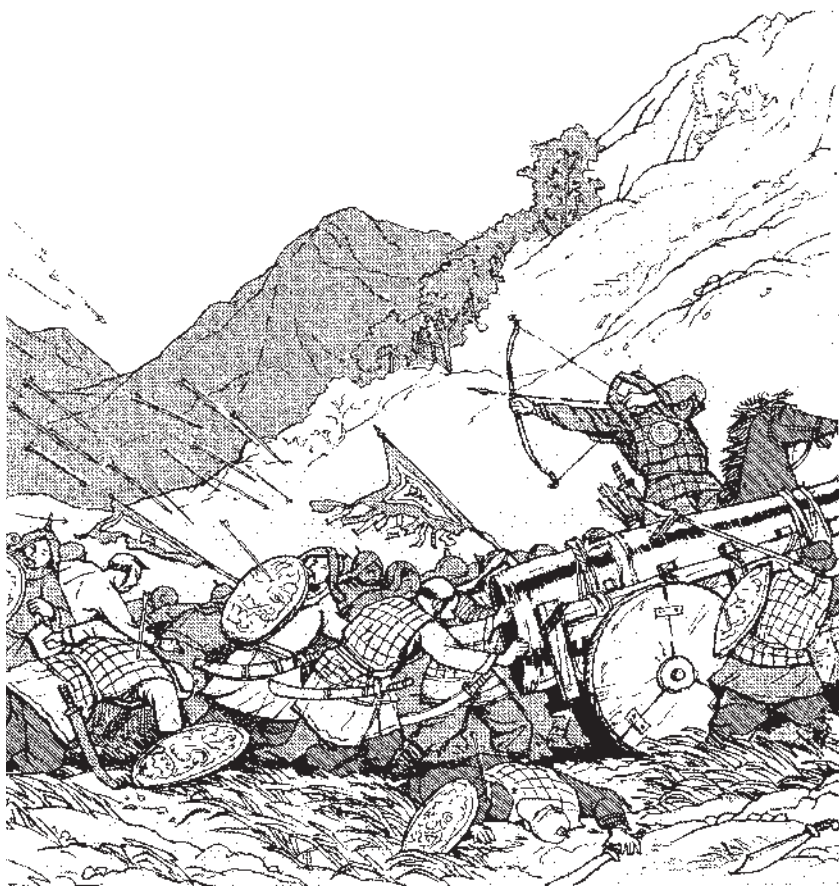
Thấy thời cơ đã đến, Trần Hưng Đạo hạ lệnh phản công. Mục tiêu đầu tiên của ông là phá hủy phòng tuyến của quân địch đóng dọc trên sông Hồng. Ông đích thân cầm quân đánh trận mở màn vào cứ điểm A Lỗ bên sông Luộc. Cứ điểm này do tên Lưu Thế Anh, mang chức Vạn hộ, một chức lớn trong quân đội của nhà Nguyên, cầm đầu. Sau một thời gian nghỉ ngơi, quân Trần đang lúc sung sức, vì vậy vào trận đánh như vũ bão. Quân của Lưu Thế Anh không chống đỡ nổi phải bỏ chạy.



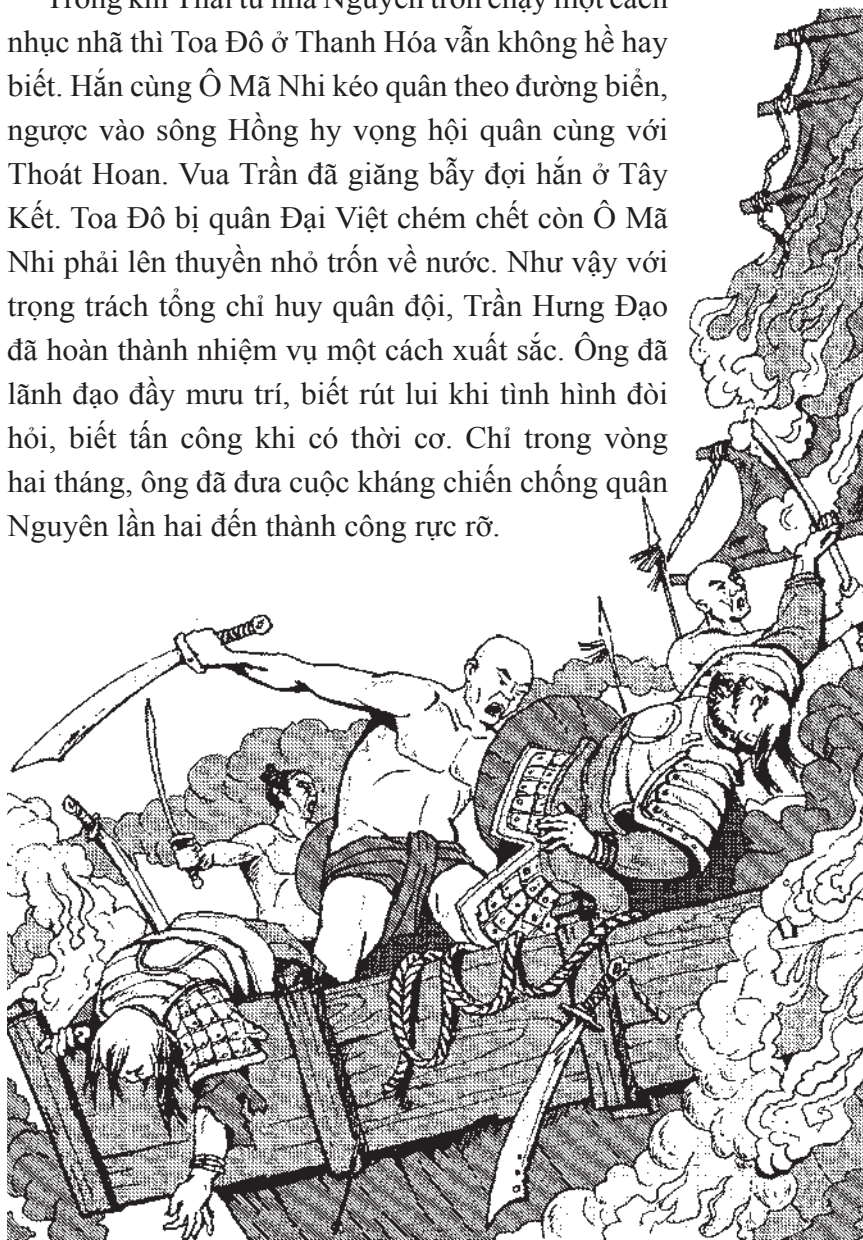


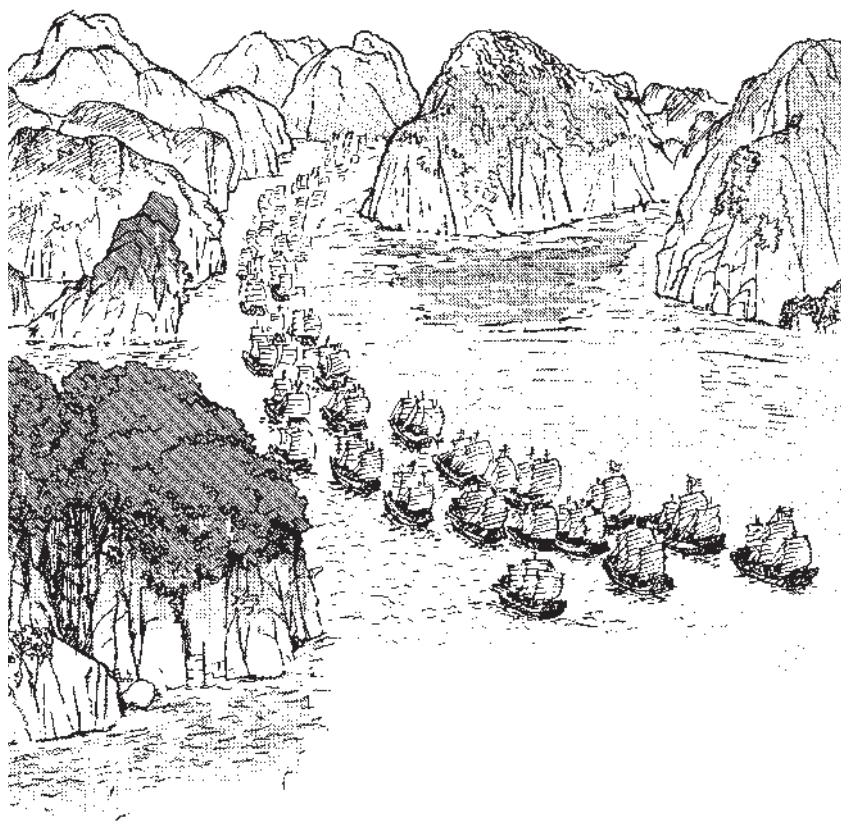
Đồng thời các cứ điểm khác của quân Nguyên cũng liên tiếp bị quân Đại Việt tấn công. Trần Quốc Toàn chiến thắng ở Tây Kết, Trần Nhật Duật đánh tan quân địch ở bến Hàm Tử, Trần Quang Khải giành thắng lợi ở Chương Dương... Cứ như thế, phòng tuyến dọc sông Hồng của quân Nguyên chẳng mấy chốc đã tan rã hoàn toàn.

Quân Đại Việt tiến về Thăng Long, Thoát Hoan tháo chạy. Trần Hưng Đạo đã đặt phục binh trên suốt dọc đường rút lui của hãn. Đến sông Như Nguyệt, hãn bị quân của Trần Quốc Toản bao vây đánh cho tơi tả. Thoát được đến sông Sách (Vạn Kiếp) thì lọt tiếp vào trận địa phục kích của Phạm Ngũ Lão. Cố mở đường máu chạy đến biên giới lại bị con của Trần Hưng Đạo là Hưng Vũ vương Trần Quốc Hiến truy đuổi. Thoát Hoan hoảng sợ phải chui vào ống đồng mới thoát chết.



Trong khi Thái tử nhà Nguyên trốn chạy một cách nhục nhã thì Toa Đô ở Thanh Hóa vẫn không hề hay biết. Hãn cùng Ô Mã Nhi kéo quân theo đường biển, ngược vào sông Hồng hy vọng hội quân cùng với Thoát Hoan. Vua Trần đã giăng bẫy đợi hãn ở Tây Kết. Toa Đô bị quân Đại Việt chém chết còn Ô Mã Nhi phải lên thuyền nhỏ trốn về nước. Như vậy với trọng trách tổng chỉ huy quân đội, Trần Hưng Đạo đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc. Ông đã lãnh đạo đầy mưu trí, biết rút lui khi tình hình đòi hỏi, biết tấn công khi có thời cơ. Chỉ trong vòng hai tháng, ông đã đưa cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần hai đến thành công rực rỡ.





Tuy thất bại, nhưng Hốt Tất Liệt vẫn không từ bỏ tham vọng xâm chiếm Đại Việt. Hai năm sau, 1287, hãn tạm ngưng cuộc xâm lược Nhật Bản để đánh Đại Việt lần thứ ba. Đoàn quân xâm lược vẫn do Thoát Hoan cầm đầu đạo quân kỵ bộ tiến theo hai ngã như lần trước nhưng lần này lực lượng quân thủy được chuẩn bị chu đáo và hùng hậu hơn nhiều, gồm 500 thuyền chiến do Ô Mã Nhi thống lĩnh và 70 thuyền vận tải lương do tướng cướp Trương Văn Hổ chỉ huy

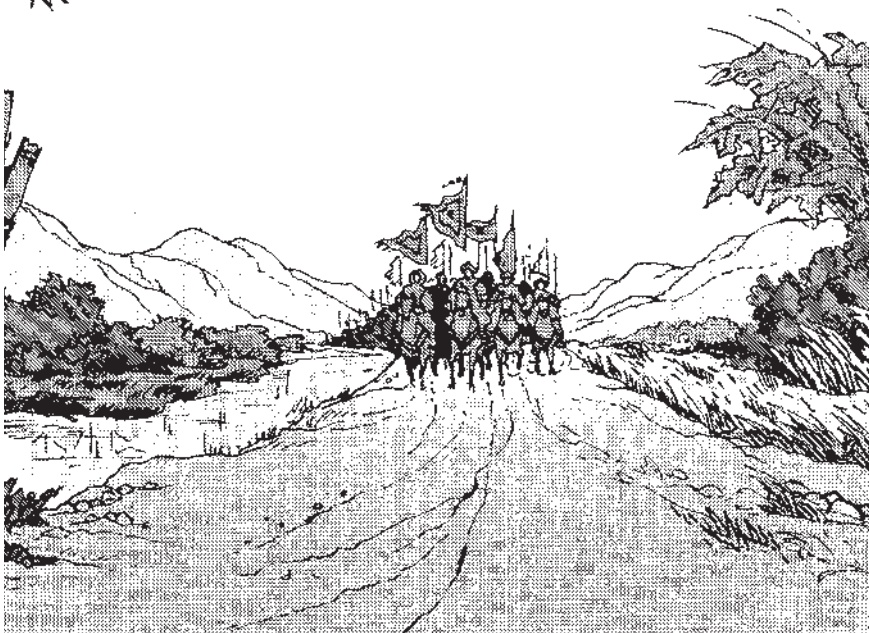


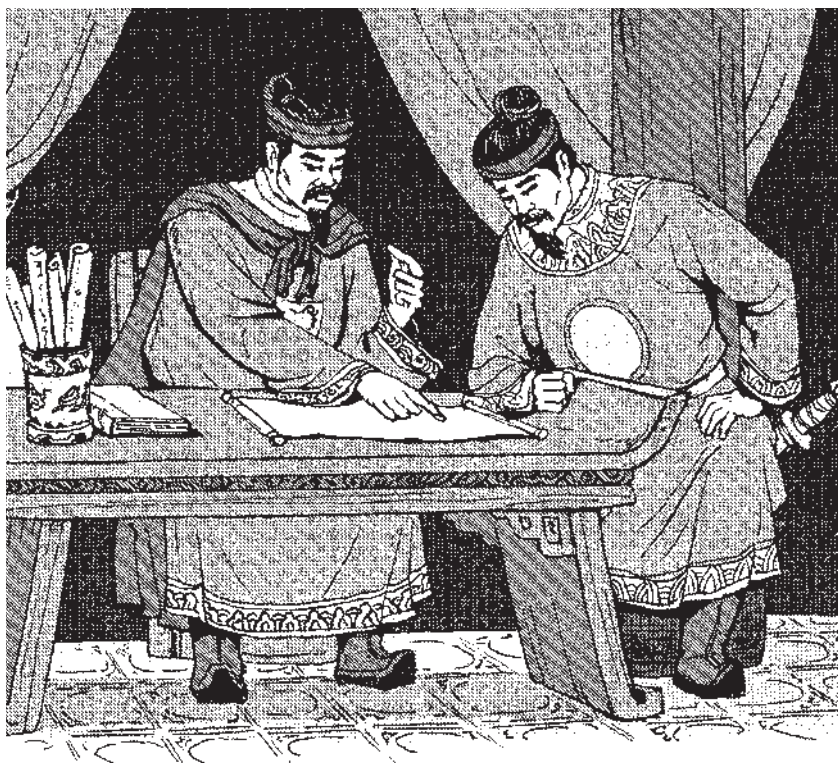
Một lần nữa, Trần Hưng Đạo lại được vua Trần tin tưởng giao trọng trách tổng chỉ huy lực lượng chống xâm lăng. Và cũng một lần nữa, ông lại là chỗ dựa tinh thần cho nhà vua. Khi ngài hỏi về thế trận lần này, ông bình thản nói:

- Lần trước, khi quân Nguyên vào xâm lược thì quân dân Đại Việt chưa quen đánh trận vì đất nước thái bình đã lâu. Nhưng nay thì quen rồi, tinh thần lên cao, còn quân địch lại đi xa và cũng bị ám ảnh bởi cái chết của các tướng tài của chúng như Toa Đô, Lý Hằng. Vì thế, năm nay thế giặc nhàn.



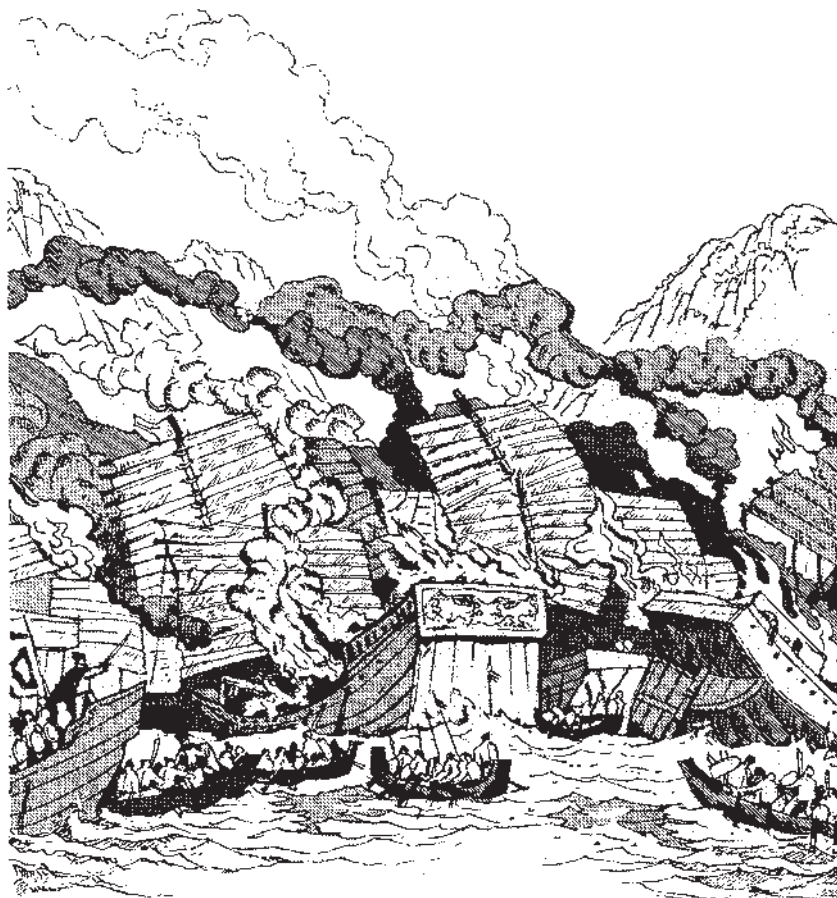
Rút kinh nghiệm của lần đánh giặc vừa rồi, khi quân Nguyên mới sang, Trần Hưng Đạo áp dụng ngay chiến thuật bảo toàn lực lượng. Lúc đầu quân Đại Việt đánh rất dữ dội nhưng dần dần đều rút về sau. Vì vậy hai đạo quân kỵ bộ của quân Nguyên tiến vào Vạn Kiếp một cách dễ dàng. Điều này khiến Thoát Hoan rất hí hửng, tưởng phen này sẽ nhanh chóng làm cỏ Đại Việt, rửa nỗi nhục của cả hai lần thất trận.





Riêng đối với quân thủy của Ô Mã Nhi, Trần Hưng Đạo lại chủ trương đánh ngay khi chúng mới kéo vào vùng biển nước ta. Vì lợi thế của quân ta là thủy chiến, nếu để giặc kết hợp được ưu thế về kỵ, bộ với lực lượng thuyền chiến hùng hậu của chúng thì nhất định sẽ gây khó khăn cho ta. Trọng trách thực hiện chiến lược này, Trần Hưng Đạo giao cho Phó tướng Trần Khánh Dư đang chốt giữ ở Vân Đồn.

Lúc đầu, Trần Khánh Dư không diệt được đạo quân của Ô Mã Nhi như dự kiến, nhưng ông đã sửa lỗi bằng một chiến công vang dội: Biết thuyền chiến của giặc đi qua tắt thuyền lương của chúng sẽ theo sau, ông đã cho quân phục kích, tiêu diệt toàn bộ đoàn thuyền lương của giặc do tên cướp biển Trương Văn Hổ chỉ huy khiến sau đó đại quân thiếu lương ăn và hoàn toàn lâm vào thế bị động.



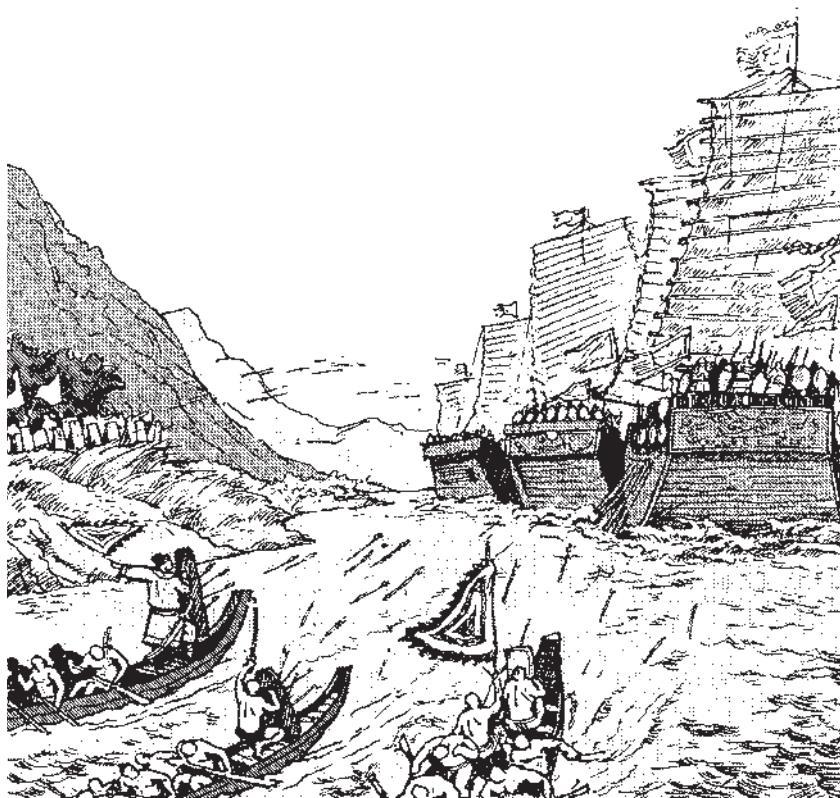


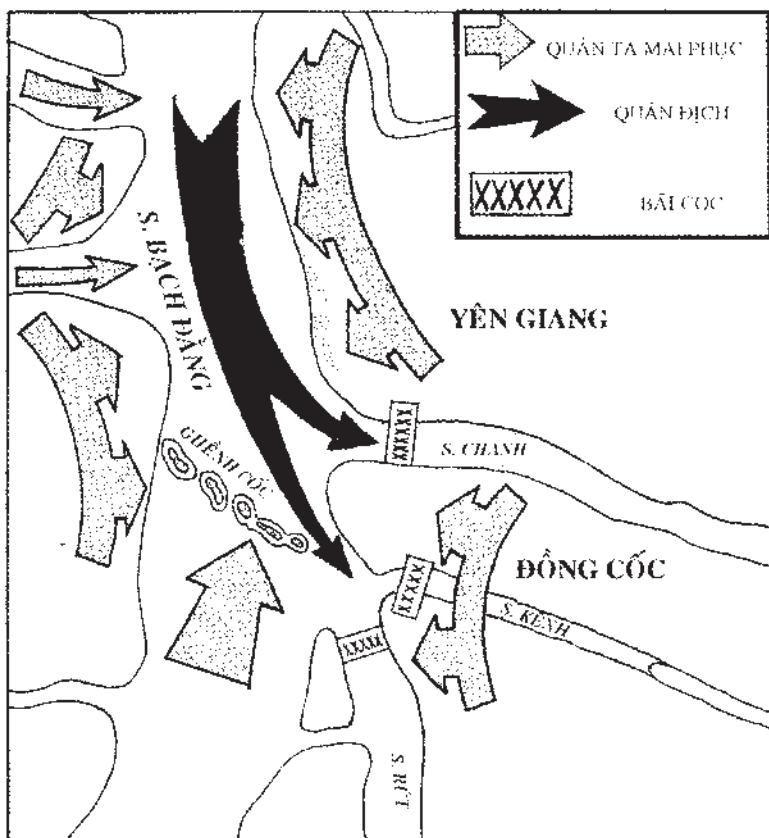
Sau một thời gian loanh quanh truy đuổi vua Trần không được, lương thực của quân Nguyên đã bắt đầu cạn. Đói quá, lại thêm nghe tin thất bại của Trương Văn Hổ, Thoát Hoan đành phải chia quân thành hai đạo thủy bộ để rút về. Biết đã đến lúc phản công, Trần Hưng Đạo liền bố trí lực lượng tập kích giặc. Để chúng không còn nuôi mộng trở lại Đại Việt nữa, ông quyết định giáng cho chúng một đòn đích đáng. Vì thế sau khi cân nhắc, ông tập trung vào mục tiêu là đoàn thuyền chiến của Ô Mã Nhi.

Đề quân bộ của Thoát Hoan không thể cứu ứng được cho quân thủy, Trần Hưng Đạo cho một lực lượng phục kích dọc theo đường rút của chúng. Số quân này không cần đánh những trận lớn, mà chỉ đào hầm, phá cầu, dùng tên tầm độc bắn tĩa, hoặc ẩn hiện bất giờ đánh vỗ mặt rồi rút lui chớp nhoáng. Chiến thuật du kích của Trần Hưng Đạo đã làm cho cuộc trốn chạy của Thoát Hoan gian khổ không kể xiết, chúng chỉ còn mong được thoát chết mà về nước.



Trong khi đó, phần lớn quân Đại Việt tập trung về hướng Bạch Đằng để thực hiện kế sách của vị Quốc công Tiết chế. Lâu nay, khi nghiền ngẫm cách đánh giặc của các anh hùng dân tộc, Trần Hưng Đạo rất tâm đắc với trận thủy chiến của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng. Lần này, ông cũng định mượn cách đánh của tiền nhân để chôn vùi quân giặc. Trước hết, để có thời gian chuẩn bị, Trần Hưng Đạo đã tổ chức nhiều chốt chặn giặc suốt dọc sông làm cho tốc độ hành quân của đoàn thuyền chiến Ô Mã Nhi chậm hẳn lại.





**SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CÁC BÃI CỐC CỦA TRẦN HƯNG ĐẠO TRÊN SÔNG BẠCH ĐẰNG
(Đại cương lịch sử Việt Nam)**

Sau đó, ông cho tuần sát kĩ khúc sông phía hạ lưu. Khác với thời Ngô Quyền, quân giặc từ phía biển kéo vào nên có thể chủ động trong việc mai phục. Lần này chúng lại từ trong sông đi ra. Mà khúc sông từ Lục Đầu đến cửa sông Chanh có nhiều nhánh đều ra được biển. Vì vậy ở những nhánh sông giặc có khả năng đi qua Trần Hưng Đạo đều bố trí một lực lượng đông đảo quân Đại Việt chốt giữ và nghi binh khiến chúng phải đi theo con đường ông vạch sẵn.



Cuối cùng là việc bố trí trận địa cọc. Trần Hưng Đạo đã đi tìm hiểu từng luồng lạch để bố trí lực lượng mai phục, gặp từng người dân sống ven sông để hỏi về con nước lên xuống của thủy triều. Tương truyền ông đã dùng chân ở một quán nước bên bến đò Rừng và được bà hàng chỉ dẫn căn kẽ từng giờ nước lên, nước xuống. Nhờ đó, ông đã chỉ huy việc cắm cọc và dự tính được thời điểm đánh giặc chính xác.

Trong lần đi thám sát địa hình ấy, khi đi ngang qua sông Hóa (một nhánh của sông Thái Bình), con voi của ông sa lầy, không làm sao kéo lên được. Ông đành bỏ con thú lại. Con voi trung thành rống lên rồi chảy nước mắt như để tiễn biệt. Nhìn con vật có nghĩa đã từng xả thân cùng mình qua bao cuộc chiến, Trần Hưng Đạo cúi người lên ngựa, trở tay xuống dòng sông mà thề rằng: “Trận này không phá xong giặc Nguyên thì không về đến sông này nữa”.



Và ông đã thực hiện lời thề ấy một cách vẻ vang: Đánh tan 6 vạn quân Nguyên cùng 400 thuyền chiến giặc trên sông Bạch Đằng, bắt sống được Ô Mã Nhi cùng các tướng lĩnh cao cấp khác^(*). Chiến thắng Bạch Đằng là chiến công oanh liệt nhất của quân dân Đại Việt dưới thời Trần, và cũng là một trong những chiến công vang dội, góp phần viết nên những trang sử hào hùng của dân tộc. Với chiến thắng này, Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo không chỉ là một người đức độ, chí nhân chí nghĩa mà còn là một vị tướng tài năng kiệt xuất.

(*) Xem tập Chiến thắng giặc Nguyên Mông lần thứ ba.

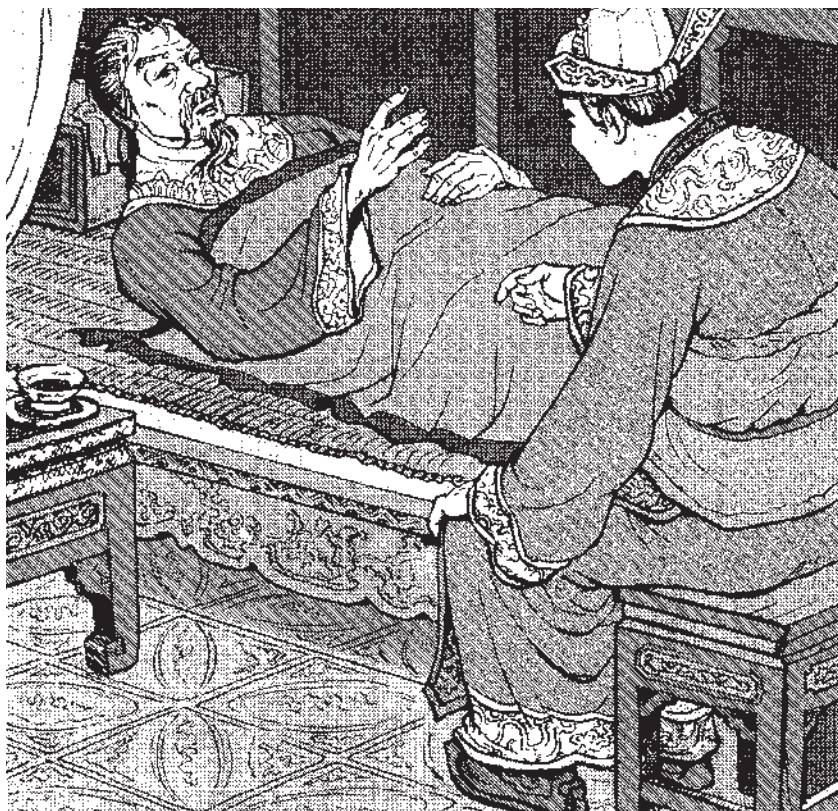




Đất nước sạch bóng quân thù, vua và hoàng gia lại trở về Thăng Long trong niềm vui chiến thắng. Vì có công lớn trong ba lần đánh đuổi quân Nguyên, vì nhân cách cao cả của ông, Trần Hưng Đạo được phong làm Đại vương Thượng Quốc công (tước hàm của ông trước đây chỉ là vương và quốc công), đó là một chức vụ đầy quyền lực, chỉ ở dưới vua và Thượng hoàng. Còn nhân dân để tỏ lòng tôn kính, đã lập đền thờ sống ông ở Vạn Kiếp.







Tháng 6 năm Canh Tý (1300), Hung Đạo Đại vương lâm bệnh nặng. Vua Trần lúc bấy giờ là Trần Anh Tông, cũng là cháu ngoại của ông, thân hành đến thăm. Nhà vua hỏi: “Nếu có điều chẳng may xảy ra (tức việc Trần Hưng Đạo từ trần) mà bọn giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì nên có kế sách đối phó như thế nào?”. Dù lúc ấy sức đã yếu, ông vẫn cố nói những lời tâm huyết với vị vua trẻ:

- Sao cho quân tướng cùng chung một bụng như cha với con thì mới dùng được. Thêm nữa, ngoài việc dụng binh, cũng phải dè dặt sức lực của dân, đừng quá lạm dụng, để làm cái kế sâu rễ bền gốc. Ấy là thượng sách của việc giữ nước vậy!

Sau khi ông mất, nhà vua truy tặng chức Thái sư Thượng phụ Quốc công. Ông được nhân dân lập đền thờ ở nhiều nơi. Đền thờ Trần Hưng Đạo lâu đời nhất và cũng nổi tiếng nhất là đền Kiếp Bạc ở Hải Dương, nơi ông đã từng sống những tháng năm oanh liệt. Mặc dù ngày 20 tháng 8 âm lịch (ngày mất của Trần Hưng Đạo) mới là ngày lễ hội, nhưng trước đó, khách thập phương đã lũ lượt kéo về. Hàng ngàn con thuyền đậu chật bến sông gợi nhớ hình ảnh đoàn thuyền chiến của quân Đại Việt dưới sự thống lĩnh của vị Tiết chế oai hùng.



Bến thuyền Kiếp Bạc.

Ảnh: BQL di tích Kiếp Bạc



*Đền Bảo Lộc ở xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc (cách thành phố
Nam Định 5km) nơi quê hương dòng tộc thờ Trần Hưng Đạo*

Ảnh: Trịnh Mạc

Đền thờ Trần Hưng Đạo thứ hai là ở Bảo Lộc, Xuân Trường, Nam Định. Đây là quê hương và cũng là nơi ông chào đời. Vào ngày 20 tháng 8 âm lịch hàng năm, dân làng Bảo Lộc và các làng xung quanh đều kéo về làm lễ để tưởng nhớ vị tổ của dòng họ đã làm vẻ vang cho làng, cho nước. Tuy lễ hội không lớn như ở Kiếp Bạc nhưng cũng đủ lễ tể và rước kéo dài trong suốt ba ngày.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, đền thờ Trần Hưng Đạo lớn nhất phía Nam nằm trên đường Võ Thị Sáu, quận 3. Đền thờ này được xây vào năm 1932. Thoạt đầu đó chỉ là một kiến trúc nhỏ, lần hồi được sửa chữa, trùng tu và hiện nay đã trở nên bề thế. Cổng tam quan rực rỡ, sân đền rộng rãi, đại sảnh, nội điện uy nghi, cây cối xanh tươi. Hàng năm, vào ngày 20 tháng 8 âm lịch và dịp tết, hàng ngàn khách thập phương đến hành lễ, tỏ tấm lòng tri ân đối với người anh hùng dân tộc.

*Cổng tam quan đền thờ Trần Hưng Đạo trên
đường Võ Thị Sáu tại thành phố Hồ Chí Minh*

Ảnh: Lương Trọng Phúc





Tượng Trần Hưng Đạo trong khuôn viên đền thờ ở đường Võ Thị Sáu, TP.HCM.

Ảnh: Lương Trọng Phúc

Không chỉ là vị tướng tài ba của đất nước, Trần Hưng Đạo còn được xếp vào hàng danh nhân quân sự thế giới. Hội nghị London vào năm 1984, bao gồm các nhà bác học và quân sự thế giới, dưới sự chủ trì của hoàng gia Anh quốc, công bố danh sách mười vị đại nguyên soái thế giới, trong đó có tên Trần Hưng Đạo. Nước Việt Nam tự hào có được một vị anh hùng như thế.



Ảnh 1: Tranh dân gian Đông Hồ vẽ Trần Hưng Đạo.

Ảnh 2: Đền Phù Ủng ở Kim Thi, Mỹ Hào, Hải Dương thờ Phạm Ngũ Lão.

Ảnh: Đức Hòa







Ảnh1: Khúc sông Trùng Kênh nơi bố trí trận địa cọc của Trần Hưng Đạo nay vẫn còn dấu tích.

Ảnh 2: Hai cây lim Giếng Rừng ở thị trấn Quảng Yên, di tích xếp hạng quốc gia trong quần thể di tích đại thắng Bạch Đằng.

Ảnh: Báo Nhân dân 1-4-1998

Ảnh 3: Tượng Trần Hưng Đạo thờ tại đền Bảo Lộc, TP Nam Định.

Ảnh: Đức Hòa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản dịch của Viện sử học), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
- Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch của Viện sử học), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Trung tâm học liệu.
- Trần Quốc Vượng và Hà Văn Tuấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1987.
- Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII* in lần thứ ba, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972.
- *Lịch sử Việt Nam* tập 1 in lần thứ hai, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976.

PHỤ LỤC
DI TÍCH KIẾP BẠC



Bài và ảnh soạn theo tài liệu của Ban quản lý di tích Kiếp Bạc

Kiếp Bạc thuộc hương Vạn Kiếp, lộ Lạng Giang thời Trần; thời Nguyễn thuộc hai xã Vạn Yên (làng Kiếp) tổng Trạm Điền và xã Dược Sơn (làng Bạc) tổng Chi Ngại, nay thuộc xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

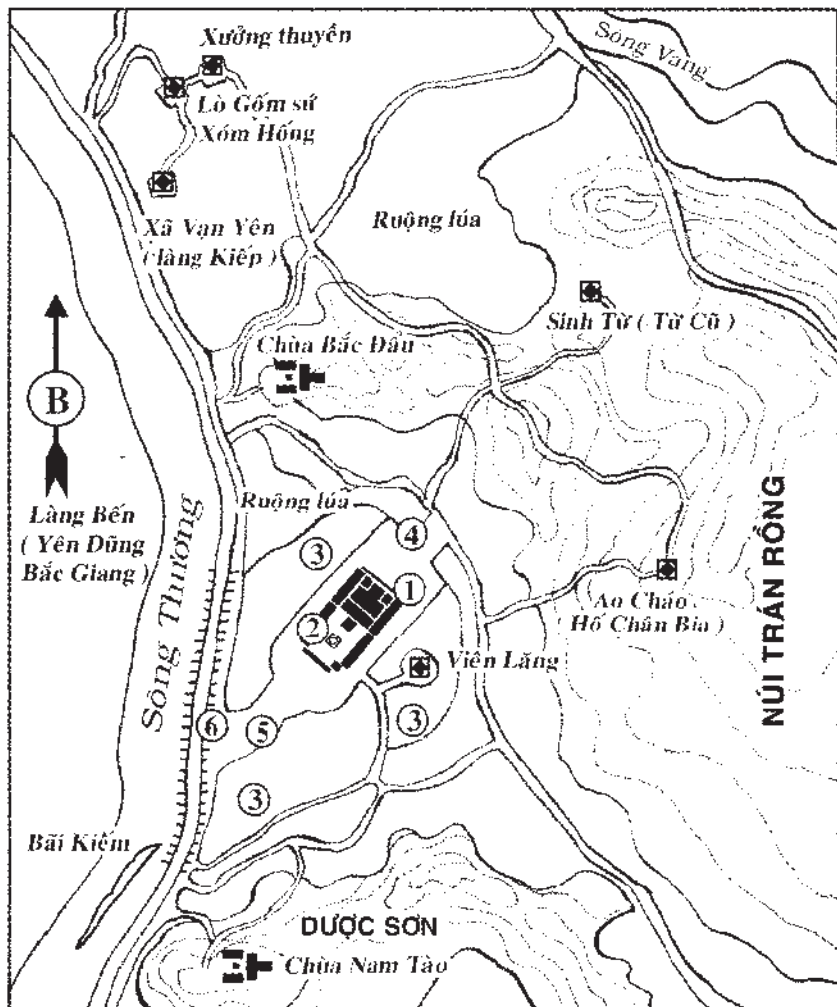
Kiếp Bạc có dãy núi Rồng hình tay ngai bao lấy một thung lũng trù phú và thơ mộng, nơi có nhiều di tích quý báu và những truyền thuyết ly kỳ về Trần Hưng Đạo. Tương truyền, ông đã lập phủ đệ và quân doanh ở đây từ sau cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ nhất (1258). Qua nhiều năm nghiên cứu, thám sát, khai quật, các nhà khảo cổ đã phát hiện tại đây có nhiều di tích quan hệ đến Trần Hưng Đạo như: Từ Cũ, xưởng thuyền, đường Hành cung, Hồ Chân Bia, Hang Tiên, Hang Thóc, bình diện công trình kiến trúc, đồ gốm, vũ khí, tiền đồng, vật trang trí... Ngoài ra còn thấy một sân gạch hoa và nhiều nền nhà nối tiếp nhau chứng tỏ đây là một công trình kiến trúc lớn thuộc phủ đệ của Trần Hưng Đạo.

Đông nam Kiếp Bạc tiếp giáp vùng núi Phả Lại, Phượng Hoàng, Côn Sơn là những nơi có di tích lịch sử và danh thắng nổi tiếng từ thời Lý - Trần. Phía tây giáp sông Thương, một nhánh của sông Lục Đầu mà thời Trần có tên gọi là sông Bình Than. Phía bắc là thung lũng Vạn Yên rộng lớn có di tích lò gốm thời Trần, ở đây đã tìm thấy những bát đĩa men ngọc, men nâu hoa văn khắc chìm theo truyền thống Lý - Trần và nhiều tiền đồng trong đó có tiền Nguyên Phong thông bảo (1251-1258). Giáp thung lũng có sông Vang, tuy nhỏ mà sâu, tạo điều kiện cho thuyền bè vào sát chân núi. Hai nhánh núi Rồng tiến sát dòng sông Thương, nhánh phía bắc gọi là núi Bắc Đầu, nhánh phía nam gọi là núi Nam Tào. Trên mỗi đỉnh núi còn dấu tích của một ngôi chùa cổ kính. Rừng Kiếp Bạc xưa bạt ngàn gỗ quý như lim, sến, táu cùng các loài thông, trúc xanh tốt quanh năm. Sông Lục Đầu thì lắm tôm nhiều cá, thuyền bè các nơi xuôi ngược.

Do có cổng hiển to lớn cho dân tộc, ngay lúc sinh thời, Trần Hưng Đạo đã được lập đền thờ sống tại đây. Đền thờ ông sau được tôn tạo tại một khu đất ở trung tâm thung lũng dãy núi Rồng, gọi là đền Kiếp Bạc. Trải qua các triều đại sau này, đền vẫn được gìn giữ tôn nghiêm.

SƠ ĐỒ KHU DI TÍCH LỊCH SỬ KIẾP BẠC

(Vẽ theo bản vẽ của BQL di tích Kiếp Bạc và bản vẽ của Phương Chi)



1. Đền Kiếp Bạc. 2. Giếng Mắt Rồng trong sân đền Kiếp Bạc. 3. Khúc sông xưa (khi chưa đắp đê 1972 trước mặt đền Kiếp Bạc) là hào nước phòng thủ của căn cứ Vạn Kiếp. 4. Đường độc đạo nối căn cứ với núi Trán Rồng. 5. Đường đắp sau này. 6. Đê đắp năm 1972 trước mặt đền.

Tháng 2 năm 1427, mặc dù cuộc kháng chiến chống giặc Minh đang ở giai đoạn quyết liệt, Lê Lợi vẫn sai Dương Thái Nhất sửa chữa đền và cắm chặt cây ở miếu. Trải nhiều thế kỷ gió mưa nhiệt đới và chiến tranh, các công trình kiến trúc ở Kiếp Bạc từ thời Trần và thời Lê đã bị hủy hoại, cây cảnh và rừng gỗ quý cũng không còn. Các công trình kiến trúc của khu đền hiện nay được trùng tu và tôn tạo vào thế kỷ



Tượng Trần Hưng Đạo thờ tại đền Kiếp Bạc

XIX và đầu thế kỷ XX. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946-1954), thực dân Pháp đã dỡ chùa Nam Tào, Hành lang và Trung từ Kiếp Bạc để xây dựng đồn bốt, chặt phá cây cổ thụ và cướp đi nhiều đồ tế tự quý giá. Hiện nay, chùa Nam Tào và Bắc Đẩu đã được khôi phục, tượng Nam Tào, Bắc Đẩu đã được rước về vị trí cũ.

Phía trước đền Kiếp Bạc là dòng sông Thương, giữa sông có một bãi đất hẹp và dài gọi là Cồn Kiếm. Dân gian cho rằng đó là thanh kiếm của Trần Hưng Đạo sau khi dẹp xong giặc Nguyên Mông đã đặt lại đấy để nhắc nhở người đời sau luôn cảnh giác trước họa xâm lăng.

Tam quan đền từ xa nhìn vào như một bức cuốn thư “lưỡng long triều nhật” bề thế, hoành tráng. Mặt trước tam quan có hai dòng chữ lớn, hàng trên là: “Giữ thiên vô cực” (sự nghiệp sống mãi với đất trời), hàng dưới là: “Trần Hưng Đạo vương từ” (đền thờ Trần Hưng Đạo). Dọc hai bên trụ là câu đối:

*Vạn Kiếp hữu sơn giai kiếm khí
Lục Đầu vô thủy bất thu thanh*

Dịch là:

*Vạn Kiếp núi lòng hình kiếm dựng
Lục Đầu vang dậy tiếng quân reo*

Mặt sau tam quan có một hàng chữ lớn “vạn cổ thử giang sơn” (non nước ấy ngàn thu). Bên trong tam quan là sân đền lát đá xanh mở ra một không gian khoáng đạt. Giữa sân đền có nhà Bạc là nơi lễ trình trước khi vào đền chính. Hai bên sân có tả hữu Thành các và Giải vũ là nơi soạn lễ, chỉnh trang khăn châu, áo ngự và nghỉ ngơi trước khi



Cồn kiếm trên sông Lục Đầu.



Ảnh 1: Sông Thương trước cửa đền Kiếp Bạc.

Ảnh 2: Núi Rỗng và đền Kiếp Bạc.





Ảnh 1: Tam quan đền Kiếp Bạc.

Ảnh 2: Mái đao đền Kiếp Bạc.



làm lễ. Giữ sân có giếng Ròng quanh năm nước đầy trong vắt. Tương truyền lúc sinh thời, Hưng Đạo Vương có nuôi một con chó rất khôn. Khi con chó bỏ nhà đem con từ thung trong (nơi ở cũ của Trần Hưng Đạo) ra thung ngoài, ông linh cảm có điều gì khác lạ nên truyền cho Yết Kiêu cùng đi tới chỗ con chó để xem xét.

Ra tới thung ngoài, Hưng Đạo Vương rất ngạc nhiên thấy nơi mẹ con đàn chó nằm là ở giữa một thung lũng rộng lớn, bằng phẳng, um tùm lau sậy rất thuận lợi cho việc xây dựng quân doanh, huấn luyện quân sĩ. Còn Yết Kiêu thì thấy cách chỗ đàn chó không xa lấp lánh một vệt sáng. Ông ngạc nhiên đến gần thì phát hiện ra một vũng nước tròn, sâu, trong vắt. Mức nước uống thử, Yết Kiêu thấy nước ngọt mát khác hẳn các giếng thường dùng. Ông mời Hưng Đạo Vương tới uống thử. Hưng Đạo uống xong thấy khoan khoái lạ thường. Biết đây là nguồn nước chảy từ các mạch của dãy núi Ròng, Trần Hưng Đạo chấp tay vái tạ thiên thần, thổ địa đã ban cho nguồn nước quý.

Trở về, Trần Hưng Đạo quyết định chuyển phủ đệ từ thung trong ra thung ngoài và giao cho gia tướng Yết Kiêu khơi sâu và mở rộng thêm vũng nước rồi dùng gạch đá kè thành giếng để giữ nguồn nước quý cho mọi người sử dụng.

Từ khi có giếng nước, mọi người kéo về rất đông, ai cũng muốn được uống nước giếng để tăng thêm tài trí và sức mạnh. Chẳng mấy chốc, nơi đây trở thành một vùng đông đúc và trù phú. Giếng nước nằm giữa thung do mạch ngầm của dãy núi Ròng chảy ra nên được gọi là giếng Mắt Ròng.

Đền chính có Tiền tế, Trung từ, Hậu cung, kiến trúc đao rồng ống muống theo kiểu chữ Đinh (T). Tiền tế là nơi khách tiến lễ trình. Tiếp đến là Trung từ có thờ 4 cổ nai và bài vị 4 người con trai của Trần Hưng Đạo là Trần Quốc Hiến, Trần Quốc Nghiễn, Trần Quốc Tảng, Trần Quốc Uy. Cạnh đó là ban thờ Phạm Ngũ Lão. Thượng điện (còn gọi là Hậu cung) có 4 ban thờ: Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Nguyên Từ Quốc Mẫu Thiên Thành công chúa (phu nhân Trần Hưng Đạo), Đệ Nhất Khâm Từ Hoàng Thái hậu Quyên Thanh công chúa (con gái lớn Trần Hưng Đạo và là hoàng hậu vua Trần Nhân Tông), Đệ Nhị



Ảnh 1: Nhà Bạc đền Kiếp Bạc.

Ảnh 2: Giếng Mắt Rồng ở sân đền Kiếp Bạc.





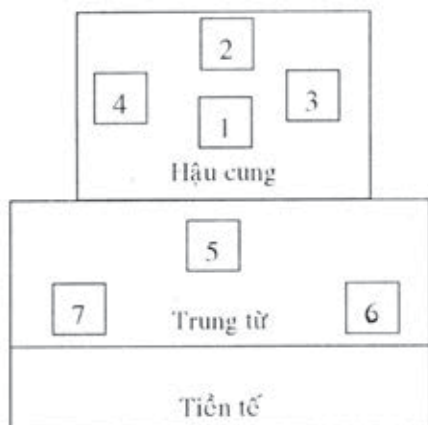
Nhà Chè đền Kiếp Bạc.

Nữ Đại Hoàng Anh Nguyên Quận chúa (con gái thứ hai, tương truyền là con nuôi, vợ Phạm Ngũ Lão). Các tượng đồng đặt trong khám thờ lớn sơn son thếp vàng, chạm long, ly, quy, phượng và tùng, cúc, trúc, mai mềm mại, biến hóa sinh động.

Ngoài ra, trong đền còn có các đồ thờ hoành phi, câu đối, đại tự, long xà, bát bửu, sắc phong của các triều đại càng tôn thêm vẻ uy linh và thành kính.

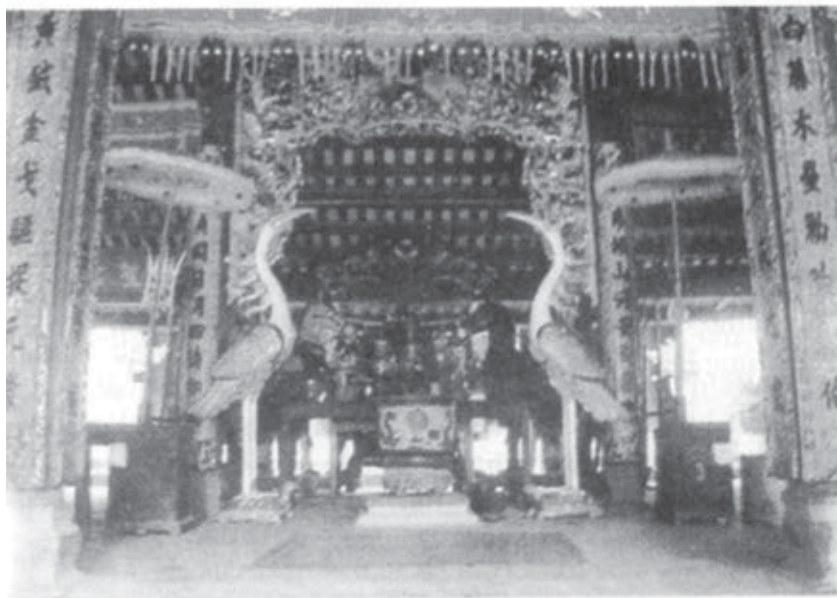
Đặt chính giữa nhà trung bày của di tích Kiếp Bạc (xây dựng năm 1979) là đôi xương chân voi. Khách hành hương rất nhiều người đã tới xoa vào đôi xương này để cầu mong được bình an, mạnh khỏe. Theo truyền thuyết, đây là đôi xương chân của con voi chiến do Dã Tượng huấn luyện, đã từng cùng Trần Hưng Đạo xông pha chiến trận, lập nhiều chiến công lớn và rất có nghĩa với chủ. Về sau, nhân dân đã tạc con voi đá để thờ. Người đời sau tìm thấy đôi xương chân voi liền dâng

SƠ ĐỒ TƯỢNG THỜ KIẾP BẠC



Chú thích:

1. Tượng Trần Hưng Đạo.
2. Thiên Thành công chúa, phu nhân Trần Hưng Đạo.
3. Công chúa Quyên Thanh, con gái lớn Trần Hưng Đạo, hoàng hậu vua Nhân Tông.
4. Anh Nguyên quận chúa, phu nhân Phạm Ngũ Lão.
5. Phạm Ngũ Lão.
6. Ban thờ Nam Tào.
7. Ban thờ Bắc Đẩu.

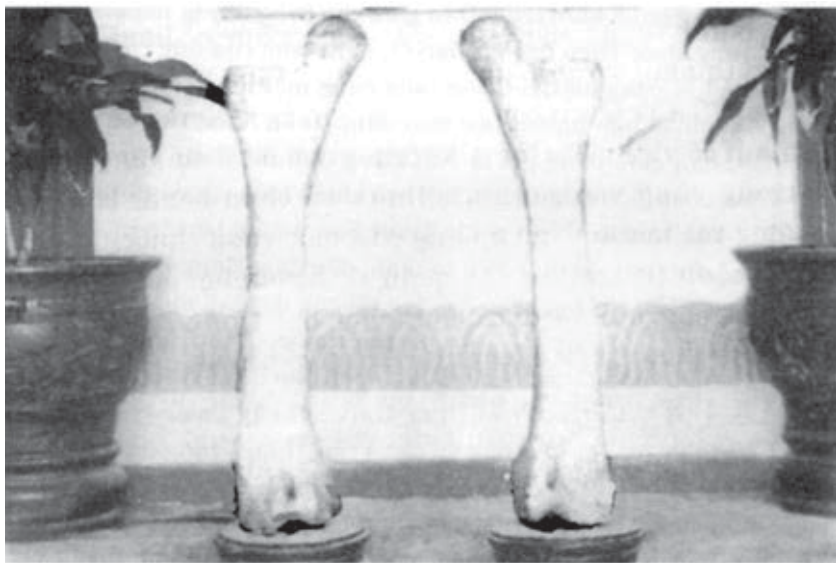


Gian giữa Tiền tế đền Kiếp Bạc.

về đền Kiếp Bạc. Đôi xương chân voi này to, cao, nhiều người xoa xin lộc nên đến nay hai đầu xương đã nhẵn bóng.

Sinh Từ còn có tên là Từ Cũ, chính là đền được vua Trần Nhân Tông cho lập để thờ Trần Hưng Đạo lúc ông còn sống. Nhiều đợt khai quật của ngành Khảo cổ học tại khu vực đền Kiếp Bạc và xung quanh đã tìm thấy nền móng của Sinh Từ. Ở đây có nhiều vỉa gạch, đá tảng và hàng chục mét khối ngói mũi hài, mũi vuông phế thải. Sinh Từ được xây dựng ở thung trong trên nền đất cũ của phủ đệ Trần Hưng Đạo, cách đền Kiếp Bạc hiện nay khoảng 800m về phía đông. Từ Sinh Từ đến đền hiện nay là một đường mòn chạy qua một đèo nhỏ, có tên Đường Mòn Gánh Gạch.

Phía sau đền là núi Ròng (còn có tên là núi Trán Ròng), trong vùng hồ lớn của núi Ròng, cách đền Kiếp Bạc 300m về phía đông

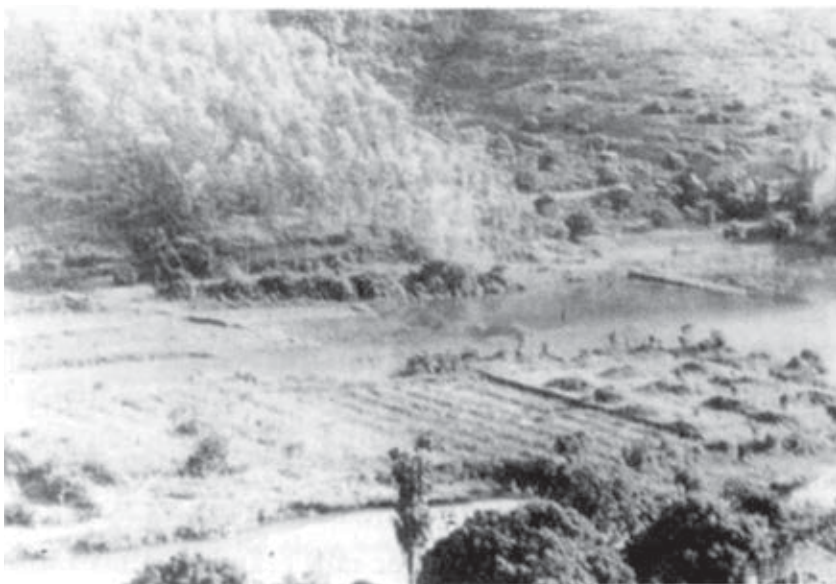


Đôi xương chân voi đặt tại nhà trưng bày của đền Kiếp Bạc.

một ao lớn rất sâu gọi là Ao Cháo. Tương truyền Ao Cháo xưa được Hưng Đạo Vương cho đào để chứa nước sạch theo một đường máng dẫn nước từ núi Rồng chảy ra dùng cho việc nuôi quân nên còn gọi là Hồ Máng Nước. Giữa Hồ Máng Nước còn có Sinh Bía do vua Trần Anh Tông dựng và đặt tên để ghi lại những chiến công oanh liệt trong kháng chiến chống quân Nguyên Mông của Trần Hưng Đạo. Tương truyền lúc mới dựng, Sinh Bía cao, to, chạm trổ rất tinh xảo gồm có bía và chân bía nằm sừng sững trên một gò cao giữa Hồ Máng Nước. Nhưng trải qua thời gian, bía bị mai một, chỉ còn lại chân bía nên Hồ Máng Nước còn được gọi là Hồ Chân Bía. Năm 1972, khi tiến hành nghiên cứu, khai quật ở Ao Cháo, các nhà khảo cổ đã tìm thấy những khối đá xanh có dấu vết chân bía bị vỡ mòn và các đầu gỗ lớn cùng một số gạch ngói dùng xây nền móng Sinh Bía. Các hiện vật trên đều được xác định có niên đại từ thời Trần.

Cách đền Kiếp Bạc về phía đông nam 100m có quả đồi tròn nhỏ rộng khoảng 1ha gọi là Viên Lăng. Khảo cổ học cho thấy nơi này đã từng có công trình kiến trúc. Dân gian cho rằng đây là nơi an táng của Trần Hưng Đạo. Theo truyền thuyết, đám tang của ông có 70 cỗ quan tài xuất phát cùng một giờ, đưa tang cùng một lúc, gia thuộc của ông cũng chia nhau mỗi người theo một đám. Trên Nam Tào có một ngọn núi nhỏ, dân gian cũng gọi là Núi Lăng (núi mộ Trần Hưng Đạo). Ở đây cũng phát hiện được gạch, ngói và nhiều hiện vật có từ thời Trần.

Dãy núi Nam Tào còn gọi là Dược sơn, tương truyền một lần, sau khi duyệt đội thủy quân trở về tư dinh, đến đây, Hưng Đạo Vương gặp một ông già râu tóc bạc phơ, vai đeo túi cối, dáng đi nhanh nhẹn khác thường. Dược biết ông lão vào núi tìm thuốc, Trần Hưng Đạo ngờ ý muốn có một vườn thuốc Nam để trị bệnh cho quân sĩ và bà con trong vùng. Ông già trao cho Trần Hưng Đạo một cây thuốc quý có thể sử dụng cả thân, vỏ, lá để chữa bệnh. Trần Hưng Đạo giao cho Phạm Ngũ Lão đem trồng và nhân giống thật nhiều. Quả nhiên, cây thuốc chữa được nhiều bệnh hiểm nghèo, mọi người tôn phong là Thần dược. Từ đó, Trần Hưng Đạo kêu gọi các danh y trong nước tuyển chọn thêm nhiều loại cây thuốc Nam quý từ các nơi, biến vùng núi Nam Tào thành vườn dược liệu tươi tốt. Như câu ca còn truyền lại:



Ảnh 1: Di tích Sinh Từ (Từ Cũ).

Ảnh 2: Khu di tích Ao Cháo (Hồ Chân Bia).





Ảnh 1: Di tích Dược Sơn.

Ảnh 2 và 3: Kiếp Bạc trong ngày hội.

*Dược Linh hoa thơm cỏ lạ thường
Biết chăng, chẳng biết thuốc thần tiên*

Trong kháng chiến chống Pháp, vườn thuốc bị phá, hiện chỉ còn những cây nhỏ nhưng đều là những vị thuốc quý hiếm. Vườn thuốc được xếp vào Linh Chi bát cổ (dược linh cổ viên).

Sau này miền Bắc được giải phóng (1955), Nhà nước ta đã xếp hạng đền Kiếp Bạc và bỏ nhiều kinh phí kết hợp với sự đóng góp công sức của nhân dân để tu sửa, tôn tạo lại đền như: đắp đê chống lụt (1972), xây dựng Nhà trưng bày, Trung tâm (1979), xây dựng lại Hành lang (1984)... Ngoài ra, còn có nhiều tập thể, cá nhân và cả đồng bào Việt kiều về thăm đất nước đã tự nguyện đóng góp tiền và những đồ tế tự có giá trị, làm cho di tích ngày càng khang trang với mong muốn Kiếp Bạc trở thành một khu di tích lịch sử - văn hóa và thắng cảnh bậc nhất, xứng đáng với nhân cách, đức độ của vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo và những chiến công oanh liệt chống ngoại xâm mà ông đã đóng góp cho đất nước cách đây mấy thế kỉ.



LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

TẬP 25

TRẦN HƯNG ĐẠO

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Tôn Nữ Quỳnh Trân *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: CÚC HƯƠNG - LIÊN HƯƠNG

Biên tập tái bản: TÚ UYÊN

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN

Trình bày: VẠN HẠNH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn



**QUỐC CÔNG TIẾT CHẾ
HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN
(KHOẢNG 1229, 1230 - 1300)**

Trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ hai và thứ ba, không thể nào không đề cao vai trò lãnh đạo của bậc danh tướng kỳ tài Trần Hưng Đạo. Với công lao lẫy lừng, người đã trở thành tấm gương sáng về tấm lòng tận trung báo quốc, hết lòng vì dân vì nước, gạt bỏ hiểm riêng, lấy việc chung làm trọng, đáng để muôn đời noi theo.

